

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA**

---

**TRẦN MAI HƯƠNG**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN  
NỘI DUNG BỒI DƯỠNG 2**

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ VẤN ĐỀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU  
TRONG GIẢNG DẠY GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

**THANH HÓA - 2013**

## MỤC LỤC

	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
	<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	2
	<b>Bài 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>	3
	1. Khái niệm giáo dục pháp luật	5
	2. Bản chất của pháp luật	6
	3. Hệ thống pháp luật Việt Nam	7
	<b>Bài 2: MỘT SỐ KIẾN THỨC PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN DGCD Ở TRƯỜNG THCS</b>	8
	<b>Bài 3: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC PBGDPL CHO HỌC SINH TRONG MÔN GDGD Ở THCS</b>	19
	<b>BÀI 4: KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN GDGD THCS</b>	24
	<b>I. SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THCS</b>	25
	<b>II. SỬ DỤNG CÂU CHUYỆN PHÁP LUẬT ĐỂ DẠY HỌC MÔN GDGD THCS</b>	
	<b>BÀI 5: GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUYỀN TRẺ EM</b>	38
	<b>BÀI 6: MỘT SỐ CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT</b>	44

## LỜI NÓI ĐẦU

Chương trình bồi dưỡng giáo viên phân địa phương do Bộ GD&ĐT đang triển khai xây dựng theo quan điểm và định hướng đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên. Quan điểm và định hướng này đặt yêu cầu phải biên soạn được chương trình bồi dưỡng thường xuyên thiết thực đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp của mỗi giáo viên và từng cơ sở giáo dục. Yêu cầu này tất yếu dẫn đến sự lựa chọn kiểu chương trình bồi dưỡng mềm dẻo linh hoạt, tạo khả năng thích ứng cao cho các giáo viên, giúp họ có thể đạt mục tiêu của chương trình bồi dưỡng theo nhịp độ riêng của bản thân.

Thực tế hiện nay, ở nhiều trường THCS chưa coi trọng việc khai thác và sử dụng các thiết bị dạy học, việc áp dụng CNTT vào dạy học còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đối với GV GDCD chưa được quan tâm đúng mức nên còn gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng hiệu quả môn GDCD, đặc biệt là trong giảng dạy và phổ biến giáo dục pháp luật...

Để đáp ứng công tác bồi dưỡng giáo viên của các địa phương, các tác giả đã biên soạn một số bài trong chương trình bồi dưỡng thường xuyên môn GDCD, nhằm mục đích giới thiệu kịp thời phương pháp tiếp cận tài liệu bồi dưỡng thường xuyên mới.

Với ý nghĩa đó, chương trình bồi dưỡng "*giáo dục pháp luật và vấn đề khai thác, sử dụng tài liệu trong giảng dạy giáo dục pháp luật ở trường THCS*" nhằm cung cấp thêm những kiến thức và kỹ năng cơ bản để giáo viên được luyện tập, có thêm kinh nghiệm xây dựng và tổ chức các hoạt động giảng dạy bộ môn. Tài liệu bồi dưỡng chu kỳ này viết theo hình thức đổi mới phù hợp với việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên.

Nhóm tác giả mong muốn nhận được những góp ý quý báu của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng của nội dung chương trình bồi dưỡng.

*Xin chân thành cảm ơn!*

**NHÓM TÁC GIẢ**

# **Bài 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

Thời gian: 6 giờ

### **I. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- Nắm vững được một số khái niệm cơ bản về pháp luật và giáo dục pháp luật.
- Hiểu được bản chất của pháp luật, các thuộc tính cơ bản của pháp luật.
- Nhận thức được một số đặc điểm của hệ thống pháp luật Việt Nam.

#### **2. Kỹ năng**

- Biết phân biệt các hành vi thực hiện đúng pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật.
- Giải thích được vì sao pháp luật mang tính xã hội.
- Phân biệt được tính dân tộc, tính mở của pháp luật

#### **3. Thái độ**

- Có thái độ tự giác thực hiện đúng các quy định của pháp luật
- Có thái độ tích cực trong việc tố giác các hành vi vi phạm pháp luật.

### **II. Tài liệu và điều kiện hỗ trợ học tập**

- Phiếu học tập
- Thông tin hỗ trợ
- Tranh ảnh minh họa, băng hình
- Các văn bản

### **III. Nội dung**

#### ***Nội dung chính:***

\* Khái niệm giáo dục pháp luật

\* Chức năng

\* Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của giáo dục pháp luật trong trường THCS hiện nay.

#### **1. Khái niệm giáo dục pháp luật**

- **Pháp luật:** Là những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do nhà nước xây dựng, ban hành và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực Nhà nước, nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

- **Pháp lí:** Lẽ phải theo pháp luật.

*Ví dụ: Về mặt pháp lý, tài sản của vợ chồng do thu nhập mà có trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung; tính pháp lý của hợp đồng thuê nhà là ở chỗ nó được kí kết bằng văn bản; cơ sở pháp lý của vận chuyển hàng hóa là hợp đồng;...*

- **Pháp quyền:** Pháp luật (theo nghĩa rộng), thiên về tính hệ thống, bản chất theo góc độ khái quát triết học. ((nên làm rõ hơn)

**\* Tầm quan trọng của việc phổ biến GDPL trong môn GD CD THCS:**

Trước yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, XD Nhà nước pháp quyền XHCN & hội nhập quốc tế công tác PBGDPL của ngành GD cần được tăng cường thường xuyên, liên tục ở tầm cao hơn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước. **Phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)** đã và đang trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội và được xã hội ngày càng quan tâm. Làm tốt công tác PBGDPL là góp phần giáo dục đạo đức, lối sống, hình thành nhân cách, rèn luyện hành vi ứng xử cho thế hệ trẻ ngay từ trên ghế nhà trường, tạo nếp sống, hành động "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật".

- **PBGDPL trong nhà trường bao gồm hai lĩnh vực:** phổ biến pháp luật và giáo dục pháp luật. Hoạt động giáo dục pháp luật là một hoạt động giáo dục cụ thể gắn bó hữu cơ với hoạt động giáo dục nói chung. Nội dung giáo dục pháp luật là một phần của nội dung chương trình giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân

Nói cách khác, **giáo dục pháp luật** là một hoạt động tự thân, thường xuyên của ngành giáo dục khác một số ngành khác. Giáo dục pháp luật trong nhà trường thực hiện thông qua việc dạy và học nội dung, kiến thức pháp luật trong chương trình giáo dục chính khóa qua các môn học như giáo dục công dân (trong các trường phổ thông) hoặc được lồng ghép, tích hợp vào các môn học có liên quan như môn đạo đức, tìm hiểu tự nhiên xã hội, sinh học, lịch sử,...

## **2. Bản chất của pháp luật**

### **2.1. Bản chất giai cấp của pháp luật**

**Pháp luật là một hiện tượng chính trị - xã hội cơ bản và rất phức tạp. Pháp luật vừa có tính giai cấp sâu sắc vừa có giá trị xã hội to lớn.**

*Pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp. Pháp luật*

*nào cũng mang bản chất giai cấp, phản ánh ý chí của giai cấp thống trị, được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật của Nhà nước*

Tính giai cấp của pháp luật còn thể hiện ở mục đích điều chỉnh của pháp luật. Trong xã hội có giai cấp, sự điều chỉnh của pháp luật trước hết nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ giai cấp. Pháp luật là yếu tố điều chỉnh về mặt giai cấp các quan hệ xã hội. Mục đích của sự điều chỉnh đó nhằm định hướng cho các quan hệ xã hội phát triển

VD: - Pháp luật tư sản luôn thể hiện ý chí của giai cấp tư sản và trước hết phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản.

- Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, quy định quyền tự do, bình đẳng, công bằng cho tất cả nhân dân.

## **2.2. Bản chất xã hội của pháp luật**

### **Vì sao pháp luật mang bản chất xã hội?**

*Một là*, Pháp luật bắt nguồn từ chính thực tiễn đời sống xã hội, do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi.

*Hai là*, Pháp luật phản ánh nhu cầu, lợi ích của giai tầng khác nhau trong xã hội.

*Ba là*, các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội, vì sự phát triển của xã hội.

Không chỉ có giai cấp thống trị thực hiện pháp luật, mà pháp luật do mọi thành viên trong xã hội thực hiện, vì sự phát triển chung của toàn xã hội.

## **2.3. Tính dân tộc, tính mở của pháp luật**

### *\* Tính dân tộc của pháp luật*

- Pháp luật cần được xây dựng trên nền tảng văn minh, văn hoá của dân tộc.  
- Pháp luật phải phản ánh được những phong tục, tập quán, đặc điểm lịch sử, điều kiện địa lí và trình độ văn minh của dân tộc.

- Những lĩnh vực: hôn nhân và gia đình; văn hóa – xã hội;...

### *\* Tính mở của pháp luật*

- Pháp luật mở cửa, hội nhập với thế giới trong các lĩnh vực dân sự, hình sự, kinh tế - thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ, quyền con người,...

VD: Đưa ra pháp lệnh dân số, thay đổi cho phù hợp xu hướng hội nhập, tránh ảnh hưởng đến nhân quyền.

### **3. Hệ thống pháp luật Việt Nam**

- Hệ thống pháp luật Việt Nam: Tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản do Nhà nước ban hành theo những trình tự, thủ tục và hình thức nhất định.

- Hệ thống pháp luật: Chính thể thống nhất bao gồm cả hệ thống cấu trúc bên trong và hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật (hệ thống văn bản quy phạm pháp luật).

#### ***3.1. Hệ thống cấu trúc của pháp luật***

Tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, bao gồm ba thành tố cơ bản ở ba cấp độ khác nhau là quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật.

##### ***Quy phạm pháp luật***

Quy phạm pháp luật điều chỉnh một quan hệ pháp luật cụ thể.

VD (Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2005): Khi tài sản của chủ sở hữu do phạm tội, vi phạm hành chính mà bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước thì quyền sở hữu đối với tài sản của chủ sở hữu đó chấm dứt kể từ thời điểm quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật.

Ví dụ: Người gây thiệt hại về tinh thần cho người khác do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người đó thì ngoài việc chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai còn phải bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại.

##### ***Chế định pháp luật***

Một nhóm quy phạm pháp luật cùng điều chỉnh một nhóm các quan hệ xã hội cùng loại có quan hệ mật thiết với nhau trong phạm vi một ngành luật.

Ví dụ: Chế định pháp luật về hợp đồng dân sự; Chế định pháp luật về kết hôn.

##### ***Ngành luật***

**Định nghĩa:** Tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.

#### ***3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật***

- Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết, lệnh, nghị định, quyết định, chỉ thị,

thông tư, nghị quyết liên tịch, thông tư liên tịch.

#### **IV. Bài tập phát triển kỹ năng:**

1. Tên bài tập: Xây dựng kế hoạch tự học cho phần chuyên môn nghiệp vụ của chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

2. Những vấn đề cần thực hiện:

- Đọc lại phần chuyên môn nghiệp vụ của chương trình BDTX.
- Căn cứ vào chương trình BD phần chuyên môn nghiệp vụ, vào kế hoạch của nhà trường và nhiệm vụ được phân công, bạn xây dựng kế hoạch cụ thể về: mục tiêu, tài liệu và điều kiện hỗ trợ học tập cần thiết, nội dung, thời gian, hình thức học tập và cách đánh giá từng bài.
- Trao đổi với đồng nghiệp và tự điều chỉnh kế hoạch để báo cáo với BGH nhà trường.



## Bài 2

# MỘT SỐ KIẾN THỨC PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN GDCD Ở TRƯỜNG THCS

Thời gian: 6 giờ

## I. Mục tiêu

### 1. Kiến thức

- Biết các văn bản quy phạm pháp luật cần sử dụng trong dạy học GDCD ở trường THCS.

- Hiểu được một số kiến thức pháp luật cơ bản có liên quan đến nội dung dạy học trong chương trình môn học.

### 2. Về kĩ năng

- Biết tự tìm hiểu, cập nhật và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật trong dạy học môn GDCD.

### 3. Về thái độ

- Tích cực sáng tạo trong việc sưu tầm và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật trong dạy học môn GDCD.

## II. Tài liệu và điều kiện hỗ trợ học tập

- SGK lớp 6,7,8,9

- SGV lớp 6,7,8,9

- Hiến pháp (sửa đổi bổ sung), các luật và Bộ luật có liên quan.

- Các câu chuyện và tình huống pháp luật.

## III. Nội dung

### 1. Một số kiến thức pháp luật chủ yếu liên quan đến nội dung dạy học môn GDCD THCS.

#### Hoạt động 1:

1. Tìm hiểu những điều luật cần sử dụng trong dạy học các bài này ở SGK và SGV GDCD THCS.

2. Ghi vào vở học tập những nội dung mà bạn chưa hiểu rõ.

#### Hoạt động 2: Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

- Trẻ em: Trong phạm vi của Công ước, trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật quốc gia áp dụng với trẻ em đó quy định sớm hơn (Điều 1) Luật Bảo

vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em (năm 2004) của Việt Nam quy định trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi.

- Quyền trẻ em: Là những quyền con người mà trẻ em được hưởng nhằm đảm bảo sự sống còn, được bảo vệ, tham gia và phát triển của trẻ, làm cho cuộc sống của trẻ em tốt hơn.

- Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em: Là điều ước quốc tế về quyền trẻ em. Công ước đưa ra những thoả thuận quốc tế về những tiêu chuẩn tối thiểu, cần thiết cho hạnh phúc của trẻ em và mọi người trẻ em đều được hưởng.

Khái niệm "quyền trẻ em" lần đầu tiên được xác định vào năm 1924. trong bản *Tuyên ngôn về quyền trẻ em* của Hội quốc liên. Sau đó nhiều văn kiện quốc tế đã được thông qua, trong đó có nhiều văn kiện trực tiếp hay gián tiếp đề cập đến quyền trẻ em. Song, các văn kiện này chưa có tính ràng buộc về mặt pháp lý và chưa chú trọng đầy đủ đến những nhu cầu đặc thù của trẻ em, nên tác dụng còn bị hạn chế. Công ước về quyền trẻ em do Liên hợp quốc cùng đại diện của hơn 43 nước trên toàn thế giới tiến hành chuẩn bị và soạn thảo trong vòng 10 năm (1979-1989). Đây là văn bản pháp lý quốc tế đề cập đến quyền trẻ em theo hướng tiến bộ, bình đẳng và toàn diện, mang tính pháp lý cao. Với nội dung quy định các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, có tính đặc thù của trẻ em và nhằm đáp ứng những nhu cầu riêng biệt của trẻ. Công ước thực sự là một văn bản hoàn chỉnh cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở tất cả các nước. Trên thực tế, nhiều năm qua, Công ước đã trở thành cơ sở cho chương trình hành động của nhiều quốc gia trên thế giới trong công tác về trẻ em.

Công ước LHQ về QTE có hiệu lực từ ngày 2 tháng 9 năm 1990. Công ước gồm 54 điều khoản, trong đó 41 điều khoản quy định về các quyền mà trẻ em được hưởng

- Lịch sử ra đời của Công ước:

Năm 1924, sau khi chứng kiến những gì mà trẻ em phải chịu đựng trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, bà Eglantyne Jebb (người Anh) đã soạn thảo ra Tuyên bố đầu tiên về QTE. Tuyên bố này gồm 5 điểm được Hội Quốc liên (tiền thân của LHQ) thông qua.

Sau thế chiến thứ hai, LHQ ra đời, mục đích của tổ chức này là nhằm duy trì hoà

bình trong các quốc gia. Năm 1948, LHQ thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, đã chỉ rõ quyền lợi cá nhân của con người cần được tôn trọng, bảo vệ. Khi đó, nhiều người nghĩ rằng phải có một văn kiện riêng cho trẻ em.

Năm 1959, một văn kiện riêng đã được Đại hội đồng LHQ thông qua, đó là Tuyên ngôn về QTE. Tuyên ngôn gồm 10 điều, đã nêu rõ 10 quyền cơ bản của trẻ em.

Năm 1979, được tuyên bố là Năm Quốc tế Thiếu nhi. Ba Lan đề xuất phải có một Công ước về QTE, ý kiến này được nhiều quốc gia ủng hộ và công việc soạn thảo Công ước được bắt đầu.

Ngày 20/11/1989, việc soạn thảo Công ước được hoàn tất và được thông qua tại phiên họp toàn thể của Đại Hội đồng LHQ.

Năm 1990, Công ước có hiệu lực như Luật quốc tế. Việt Nam là nước đầu tiên ở Châu á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước này.

Ghi chú:

- Công ước: Điều ước do nhiều nước cùng ký kết để quy định các nguyên tắc, thể lệ cho từng vấn đề trong quan hệ quốc tế.

- Hiệp ước: Điều ước loại quan trọng nhất do hai hay nhiều nước ký kết trong đó ghi rõ những cam kết của các bên về những vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá (như: Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa hai nước, Hiệp ước Quân sự, Hiệp ước Quốc tế).

- Hiệp định: Điều ước loại thông dụng nhất do hai hay nhiều nước ký kết để giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá... có tầm quan trọng dưới Hiệp ước.

\* Cấu trúc nội dung của Công ước:

Lời nói đầu	Đề cập tới sự cần thiết phải xây dựng công ước về QTE
Phần I (Điều 1- 41)	Quy định các quyền của tất cả trẻ em
Phần II (Điều 42- 45)	Quy định về việc thực hiện và cơ chế giám sát thực hiện Công ước.
Phần III (Điều 46- 54)	Quy định các vấn đề về thủ tục như kí, phê chuẩn, gia nhập, bảo lưu, lưu chiểu, hiệu lực, ngôn ngữ thể hiện

Tinh thần cơ bản của Công ước về QTE được thể hiện trong 8 nội dung, gọi tắt đó là: Bốn nhóm quyền, Ba nguyên tắc, Một quá trình (công thức 4 + 3 + 1)

*Bốn nhóm quyền*, tương ứng với 4 lĩnh vực của trẻ em, đó là:

- + Nhóm Quyền được sống còn.
- + Nhóm Quyền được bảo vệ
- + Nhóm Quyền được phát triển.
- + Nhóm quyền được tham gia.

*Ba nguyên tắc* xuyên suốt bao trùm tinh thần của Công ước và đồng thời là cơ sở để diễn giải tất cả các quyền khác là:

- + Trẻ em được xác định là tất cả những người dưới 18 tuổi
- + Tất cả các quyền được áp dụng bình đẳng cho mọi trẻ em, không có sự phân biệt đối xử.
- + Tất cả các hoạt động được thực hiện đều vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

*Một quá trình*: Tất cả mọi người đều có trách nhiệm giúp nhà nước thực hiện và theo dõi việc thực hiện Công ước.

Một số điều trong Công ước về quyền trẻ em:

- Điều 2: Không phân biệt đối xử
- Điều 4: Thực hiện các Quyền trẻ em
- Điều 5: Trách nhiệm của bố mẹ đối với trẻ em
- Điều 6: Quyền được sống và phát triển
- Điều 7: Quyền có tên và quốc tịch
- Điều 8: Quyền được giữ gìn bản sắc dân tộc mình
- Điều 9: Quyền được sống cùng cha mẹ
- Điều 18: Quyền được gia đình chăm sóc và nuôi dưỡng
- Điều 19: Quyền được bảo vệ để không bị lạm dụng
- Điều 21: Quyền của trẻ em không gia đình
- Điều 22: Quyền dành cho trẻ em tị nạn
- Điều 23: Quyền của trẻ em khuyết tật
- Điều 24: Quyền có sức khỏe và hưởng các dịch vụ y tế
- Điều 26: Quyền được hưởng an toàn xã hội

- Điều 27: Quyền được có mức sống thỏa đáng
- Điều 28: Quyền được giáo dục
- Điều 29: Quyền được giáo dục về các giá trị
- Điều 30: Quyền của trẻ em dân tộc thiểu số và bản xứ
- Điều 31: Quyền được vui chơi giải trí
- Điều 32: Quyền được bảo vệ khỏi bị bóc lột về kinh tế
- Điều 33: Quyền được bảo vệ khỏi sự lạm dụng ma túy
- Điều 34: Quyền được bảo vệ để không bị khai thác, lạm dụng tình dục
- Điều 35: Quyền được bảo vệ để không bị buôn bán như hàng hóa và bị bắt cóc
- Điều 36: Quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức bóc lột khác
- Điều 37: Quyền được tự do và không bị hành hạ về thể xác
- Điều 38: Quyền được bảo vệ khỏi mọi ảnh hưởng của các cuộc xung đột vũ trang
- Điều 39: Quyền được hưởng các chế độ chăm sóc phục hồi
- Điều 40: Quyền được áp dụng những quy định pháp luật dành riêng với vị thành niên.

### **Hoạt động 3: Thực hiện Công ước LHQ về quyền trẻ em ở Việt Nam.**

*Câu hỏi:* Theo bạn, Việt Nam đã làm gì để thực hiện Công ước LHQ về QTE? (về tổ chức, chỉ đạo, ban hành luật, quan hệ với các tổ chức LHQ)

### **Hoạt động 4: Giáo dục phòng chống ma túy và các chất gây nghiện trong trường THCS.**

#### *1. Giáo dục PCMT và chất gây nghiện theo hướng tiếp cận kỹ năng sống*

- Kỹ năng sống là khả năng của mỗi cá nhân thể hiện qua hành vi thích nghi tích cực để xử trí hiệu quả các đòi hỏi và thử thách của cuộc sống thường ngày. Để đạt được hiệu quả giáo dục, không dạy kỹ năng sống một cách riêng biệt mà phải thực hiện như một phần không thể tách rời của các nội dung giáo dục cụ thể như: giáo dục phòng chống ma túy, giáo dục giới tính, giáo dục phòng tránh HIV/AIDS, dân số và kế hoạch hoá gia đình....

Để phù hợp với nội dung giáo dục PCMT và CGN, 5 kỹ năng chính sau đây được chọn dạy:

- Kỹ năng giao tiếp, tự nhận thức

- Kỹ năng xác định giá trị
- Kỹ năng ra quyết định
- Kỹ năng kiên định
- Kỹ năng đặt mục tiêu.

## **2. Một số phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong giáo dục PCMT và CGN.**

### *2.1. Trình bày có sự tham gia tích cực của học sinh*

\* GV trình bày bài giảng trên lớp bằng cách:

- Giới thiệu khái quát chủ đề
- Giải thích các điểm chính của bài
- Giải thích nội dung lồng ghép giáo dục PCMT và CGN.
- Giao bài tập cho HS.

\* Lưu ý:

Đây là phương pháp truyền thống, GV cần kết hợp với các phương pháp giảng dạy tích cực để HS chủ động, tích cực lĩnh hội kiến thức.

\* Cách tiến hành:

- Thu hút sự chú ý của HS.
- Giới thiệu chủ đề/mục tiêu bài học để HS biết ý nghĩa, nội dung của bài.
- Trình bày chủ đề một cách rõ ràng, súc tích.
- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản và dễ hiểu đối với HS.
- Chia nội dung bài học và công việc phải làm theo từng giai đoạn.
- Nêu rõ việc nào phải làm trước và việc nào phải làm tiếp theo.
- Soạn những câu hỏi gợi ý nhằm dẫn cho HS cách tiếp thu kiến thức mới trong quá trình học.
- Kiểm tra xem các em có thực sự hiểu bài bằng cách đưa ra các câu hỏi phù hợp với bài học ngay sau khi trình bày.
- Khuyến khích HS đưa ra câu hỏi.
- Chuẩn bị các đồ dùng dạy học để hỗ trợ cho việc trình bày bài giảng được rõ và chính xác.

### *2.2. Dạy và học giải quyết vấn đề*

\* Giải quyết vấn đề là kỹ năng xem xét, phân tích những vấn đề đang tồn tại và

xác định các bước đưa ra quyết định và hành động nhằm cải thiện tình hình. Khi sử dụng phương pháp này, HS có thể tìm ra cách giải quyết cho từng vấn đề cụ thể xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, trong đó có vấn đề PCMT và CGN.

\* Cách tiến hành:

- Xác định hay phát hiện vấn đề: Phải suy nghĩ xem vấn đề cần giải quyết là gì? Xảy ra khi nào? ở đâu? Có liên quan đến ai?

- Đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề.

- Kiểm tra bằng chứng: xem xét mọi sự thay đổi có thể có đối với một giải pháp; tiến hành thử nghiệm về những giải pháp khác nhau; quyết định chọn giải pháp tốt nhất.

\* Lưu ý:

- Giải quyết vấn đề cần đòi hỏi HS phải rèn luyện hàng loạt kỹ năng như: giao tiếp, xác định giá trị, ra quyết định

- Kích thích được suy nghĩ sáng tạo của HS.

- Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu và gắn với thực tế.

- Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp có lợi nhất.

\* Ví dụ:

- Bạn sẽ làm gì nếu có người nhờ chuyên cho người khác một gói nhỏ hoặc đang đi tàu xe có người gửi đồ đạc nhờ bạn trông giùm?

- Nếu ở trong lớp có bạn bị nghiện ma túy, bạn sẽ làm gì?

*2.3. Đóng vai:*

\* Đóng vai là phương pháp thực hành một số cách ứng xử nào đó trong môi trường giả định và được giám sát trước khi xảy ra tình huống thực nhằm gây hứng thú, chú ý đối với HS, tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ra quyết định, xác định giá trị của HS.

\* Cách tiến hành:

- Đưa ra tình huống cụ thể để HS trình diễn trước lớp

- Lựa chọn vai (HS xung phong hoặc GV chỉ định)

- Dành thời gian cho các vai diễn chuẩn bị cách thể hiện

- Bắt đầu diễn

- Yêu cầu các HS khác quan sát (khán giả) và cho ý kiến khi kết thúc. Vì vậy GV

cần nêu rõ nhiệm vụ của khán giả; đề nghị khán giả đặt mình vào vị trí vai diễn và xem họ suy nghĩ và hành động như thế nào; nhận xét cách ứng xử của các vai diễn; đánh giá cách giải quyết vấn đề và xem đây có phải là giải pháp tốt nhất hay còn giải pháp khác.

\* Lưu ý:

- Xác định rõ tính mục đích của tình huống.
- Người đóng vai phải hiểu rõ vai mình để đóng vai thành công.
- Không nên đặt sẵn lời thoại "diễn viên" khi "nhập vai" thể hiện óc sáng tạo, linh hoạt trong cách giải quyết tình huống.

Ví dụ: Tình huống

- Bắt gặp bạn hoặc người thân đang sử dụng ma túy.
- Bạn bị rủ rê sử dụng ma túy.
- Tác hại của việc sử dụng ma túy đối với hạnh phúc gia đình hoặc kết quả học tập.
- Khuyên nhủ người thân không hút thuốc lá.

#### 2.4. Trò chơi

\* Trò chơi là phương pháp dạy học có hiệu quả, thu hút được sự tham gia của học sinh và rèn luyện kỹ năng một cách tổng hợp, nhất là trong các giờ dạy có lồng ghép giáo dục PCMT và CGN. Trong khi tham gia mọi người bình đẳng và đều phải cố gắng. Vì vậy, phương pháp trò chơi còn là biện pháp hữu hiệu tăng cường hứng thú trong học tập, nâng cao sự chú ý, chống căng thẳng, mệt mỏi trong quá trình học tập. Ngoài ra, trò chơi còn có tác dụng tăng cường giao tiếp, hiểu biết lẫn nhau giữa học sinh và giáo viên, giữa HS với HS.

\* Lưu ý:

- Nắm rõ mục đích và nội dung trò chơi
- Tổ chức chơi.
- Phải nắm vững luật chơi và biết rút ra những kết luận hữu ích qua mỗi trò chơi.

\* Ví dụ:

- Trò chơi khởi động: Làm quen với tên một số chất ma túy.
- Truyền tin ma túy.
- Đoán ô chữ.



## 2.5. Kể chuyện

\* Kể chuyện là một phương pháp dạy học có hiệu quả, thông qua các câu chuyện, nội dung học tập, giáo dục được chuyển tải cho người học.

Kết cấu và cách giải quyết vấn đề trong câu chuyện sẽ giúp người học liên hệ thực tế và vận dụng vào bản thân một cách thoải mái, làm cho quá trình học tập trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn và có hiệu quả rõ rệt.

\* Lưu ý:

- Các thể loại: truyện dân gian, truyện do GV, HS sáng tác, truyện thu nhập trong thực tế đời sống.

- Có nhiều cách kể chuyện: Kể theo nhóm, kể cá nhân, sắm vai, kể chuyện theo tranh ảnh...

\* Ví dụ: Kể chuyện về:

- Nguyên nhân và tác hại của ma túy đối với cá nhân/gia đình/xã hội.

- Những biện pháp giáo dục PCMT và CGN có hiệu quả.

- Những vụ án về sử dụng, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển ma túy và CGN.

## 2.6. Thảo luận nhóm:

\* Phương pháp thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp cho tất cả HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập.

- HS được trình bày ý kiến của mình trước tập thể, được chia sẻ kinh nghiệm, cùng tập thể nhóm giải quyết những vấn đề đặt ra trong học tập và trong cuộc sống.

- Có tác dụng phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng giao quyết định và giải quyết vấn đề một cách hợp lý cho học sinh.

\* Lưu ý khi phân nhóm: Cần phân công nhóm trưởng, thư ký. Các thành viên trong nhóm luân phiên làm nhóm trưởng, thư ký.

- Không nên tổ chức nhóm cố định

- Trong hoạt động nhóm cần lưu ý giúp đỡ HS yếu, kém.

\* Ví dụ: Thảo luận chủ đề

- Nguyên nhân và tác hại của ma túy và CGN.

- Vai trò của GV trong trò chơi PCMT và CGN.

## 2.7. Lập đề án

- Phương pháp này có thể được vận dụng dưới nhiều hình thức. Có thể là HS xây

dựng một kế hoạch học tập hoặc PCMT và CGN thông qua việc làm, tạo cơ hội rèn luyện những kỹ năng như: đặt và giải quyết vấn đề, giao tiếp, quyết định...

\* Cách thực hiện:

- Xác định mục tiêu
- Xác định cách thức để đạt được mục tiêu đề ra.
- Xác định người tham gia.
- Xác định các bước thực hiện
- Thực hiện
- Đánh giá kết quả.
- Ứng dụng vào học tập trong và đời sống.

\* Ví dụ: - Xây dựng kế hoạch thành lập đội tuyên truyền hay câu lạc bộ PCMT.

- Xây dựng kế hoạch PCMT của một GV bộ môn
- Xây dựng một buổi ngoại khoá về PCMT.

### **3. Các hình thức giáo dục PCMT và CGN ở trường PT.**

#### *3.1. Nội khoá.*

- Tích hợp nội dung GDPCMT và CGN qua các môn học có liên quan trực tiếp hay gián tiếp như: Sinh học, hoá học, GDCD, ngữ văn, HĐGDNGLL...

\* Lưu ý: Khi tích hợp GD PCMT và CGN cần chú ý:

- Đảm bảo nội dung kiến thức cơ bản của môn học, tiết học.
- Đảm bảo thời gian của tiết học, không vì tích hợp GD PCMT và CGN mà kéo dài tiết học, ảnh hưởng đến thời gian nghỉ giữa giờ của HS và GV.
- Tiến hành một cách tự nhiên, không gò bó, không khiên cưỡng. Vì vậy, việc tích hợp có thể tiến hành theo các mức độ khác nhau:

Mức độ 1: Nội dung tích hợp GD PCMT và CGN trùng hoàn toàn hay chiếm phần lớn nội dung bài học.

Mức độ 2: Một số đơn vị kiến thức của nội dung GDPCMT và CGN được đưa vào nội dung bài học và trở thành một bộ phận của bài học.

Mức độ 3: Liên hệ nội dung bài học với nội dung giáo dục PCMT và CGN.

#### *3.2. Ngoại khoá*

- Tổ chức thi tìm hiểu về tệ nạn ma túy. Hội thi chỉ thành công khi được chuẩn bị chu đáo.

- + GV phổ biến nội dung tìm hiểu, nêu mục đích, yêu cầu.
  - + GV chuẩn bị 15-20 câu hỏi về ma túy và CGN
  - + Hướng dẫn HS sưu tầm sách báo, đọc thêm thông tin, những quy định của pháp luật liên quan đến ma túy và CGN...
    - + Chuẩn bị phần thưởng
    - + Chuẩn bị một số tiết mục văn nghệ.
    - Điều tra về tình hình tệ nạn ma túy và CGN ở địa phương
    - + Giúp HS có ý thức quan tâm đến những trong gia đình và hàng xóm.
    - + Phát hiện những vấn đề liên quan đến sức khoẻ, kinh tế, hạnh phúc của những người hút thuốc lá, nghiện rượu hoặc nghiện ma túy...
    - + Nhận biết được nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn ma túy và CGN.
    - + Đưa ra những khuyến nghị đối với gia đình, hàng xóm để xây dựng môi trường sống lành mạnh.
    - + Yêu cầu HS làm báo cáo kết quả điều tra.
      - Tổ chức cho HS vẽ về chủ đề ma túy. Giúp HS thấy rõ hơn nguyên nhân, tác hại của tệ nạn ma túy, CGN và thể hiện ước mơ, nguyện vọng về cuộc sống không có ma túy thông qua các sáng tác của mình.
      - Tổ chức biểu diễn tiểu phẩm giáo dục ma túy và CGN.
  - Giúp HS củng cố những hiểu biết về ma túy và CGN, thấy rõ những nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn ma túy và CGN, lựa chọn cách ứng xử khéo léo trong các tình huống xảy ra trong cuộc sống.
- \* **Bài tập phát triển kỹ năng:** Đọc các bài tập trong SGK và thực hiện các công việc sau:
- Tìm hiểu những điều luật cần sử dụng trong dạy học các bài này ở SGK và SGV GDCD.
  - Ghi vào vở những nội dung mà bạn chưa rõ để cùng trao đổi với đồng nghiệp.

### **Bài 3**

## **MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC SINH TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRUNG HỌC CƠ SỞ**

Thời gian: 5 giờ

### **I. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- Hiểu được một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực PBGDPL trong dạy học GDCD ở trường PT.
- Hiểu được các yêu cầu trong kiểm tra đánh giá trong môn GDCD.

#### **2. Kỹ năng**

- Nắm vững và sử dụng thành thạo các PP& KTDHTC PBGDPL trong dạy học GDCD ở trường PT.
- Biết lựa chọn và sử dụng các PP&KTDHTC phù hợp và hiệu quả trong PBGDPL.
- Đánh giá kết quả nhận thức và học tập GDPL của HS đúng quy định.

#### **3. Thái độ**

- Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc sử dụng PP&KTDHTC PBGDPL trong môn GDCD ở trường PT.
- Tích cực sử dụng PP&KTDHTC PBGDPL trong dạy học môn GDCD và kiểm tra đánh giá HS.

### **II. Tài liệu và điều kiện hỗ trợ học tập**

- Phiếu học tập
- Thông tin hỗ trợ
- Tranh ảnh minh họa, băng hình
- Các văn bản

### **III. Nội dung**

#### **1. Một số phương pháp dạy học tích cực trong tích hợp phổ biến GDPL trong GDCD.**

1. Phương pháp thảo luận nhóm.
2. Phương pháp thảo luận lớp.

3. Phương pháp tọa đàm.
4. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình.
5. Phương pháp giải quyết vấn đề (xử lý tình huống).
6. Phương pháp đóng vai.
7. Phương pháp dạy học theo dự án.
8. Phương pháp trò chơi.
9. Phương pháp liên hệ thực tế & tự liên hệ.
10. Phương pháp tranh luận.

### **2. Một số kĩ thuật dạy học tích cực:**

1. Kĩ thuật đặt câu hỏi.
2. Kĩ thuật “*khăn phủ bàn.*”
3. Kĩ thuật phòng tranh.
4. Kĩ thuật công đoạn.
5. Kĩ thuật các “*Mảnh ghép.*”
6. Kĩ thuật động não.
7. Kĩ thuật “*Chúng em biết 3.*”
8. Kĩ thuật trình bày 1 phút.
9. Kĩ thuật hỏi & trả lời.
10. Kĩ thuật Hỏi chuyên gia.
11. Kĩ thuật sơ đồ tư duy.
12. Kĩ thuật hoàn tất 1 nhiệm vụ.
13. Kĩ thuật viết tích cực.
14. Kĩ thuật đọc hợp tác “*đọc tích cực.*”
15. Kĩ thuật phân tích phim.

### **3. Vai trò của kiểm tra, đánh giá tích hợp PBGDPL trong môn GD CD**

#### **THCS**

##### ***Đối với học sinh:***

Về kiến thức: Giúp các em phát hiện những thiếu sót trong kiến thức, kĩ năng; từ đó kịp thời điều chỉnh phương pháp học để thu được kết quả cao hơn.

- Về kĩ năng: Học sinh có điều kiện rèn luyện kĩ năng tư duy từ đơn giản đến phức tạp. Từ đó giúp học sinh có kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa.

- Về giáo dục: Góp phần hình thành phẩm chất ý chí tự giác vươn lên trong học tập, củng cố lòng tự tin vào khả năng của mình, tạo tính chủ động, biết hợp tác trong học tập.

***Đối với giáo viên:***

- Giáo viên có thông tin về mức độ hiểu biết nắm vững và biết vận dụng kiến thức của học sinh đạt hay chưa đạt so với mục tiêu môn học đề ra. Từ đó giáo viên điều chỉnh các hoạt động dạy và tìm ra những phương pháp nâng cao chất lượng dạy học.

- Giáo viên tự đánh giá hiệu quả những cải tiến, đổi mới nội dung và phương pháp dạy học của mình.

**4. Yêu cầu trong kiểm tra, đánh giá**

- Thực hiện đúng quy định của Quy chế đánh giá, xếp loại HS. Đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng.

- Trong kiểm tra đánh giá cần căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng & nội dung tích hợp PBGDPL để đánh giá cho sát, đúng. Tránh tình trạng không thống nhất giữa dạy học & kiểm tra.

Cân đối các yêu cầu kiểm tra về kiến thức ( nhớ, hiểu, vận dụng). Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện năng lực tự học, tư duy độc lập.

- Giảm nhẹ yêu cầu tái hiện kiến thức. Tăng cường yêu cầu vận dụng kiến thức theo đề “ mở”. Kết hợp hợp lý giữa TNKQ & tự luận.

Khi đã đưa nội dung PBGDPL trong dạy học thì phải kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Nội dung kiểm tra đánh giá phải thống nhất với nội dung được đưa vào dạy học.

**5. Hình thức kiểm tra:**

- Bài kiểm tra có thể là toàn bộ nội dung PBGDPL.

- Kết hợp kiểm tra nội dung PBGDPL với những nội dung khác của bài học.

- Kiểm tra nội dung PBGDPL có thể tiến hành với bài kiểm tra viết hoặc kiểm tra thông qua đánh giá, nhận xét kết quả học tập của HS khi làm BT nghiên cứu, báo cáo điều tra thực tế, báo cáo tham quan thực tế, phân tích đánh giá các số liệu...

***Về mức độ: Phải cân đối cả kiến thức, kỹ năng, thái độ.***

\* *Về kiến thức:* Cân đối giữa mức độ hiểu biết với kỹ năng & thái độ.

\* *Về kĩ năng*: Rèn luyện khả năng trình bày nói và viết đặc biệt là kĩ năng thực hành, vận dụng các nội dung PBGDPL đã học vào nhìn nhận đánh giá các vấn đề thực tiễn đang diễn ra.

\* *Về thái độ*:

- Hình thành phát triển ở học sinh tình cảm, biết yêu cái tốt, cái đẹp; không đồng tình với các hành vi, việc làm tiêu cực.

- Trân trọng và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc, hình thành hành vi thói quen phù hợp với những giá trị đã học giúp HS có sự thống nhất giữa ý thức và hành vi.

***Yêu cầu về lựa chọn, thiết kế câu hỏi kiểm tra, đánh giá:***

- Tỷ lệ câu hỏi TNKQ & tự luận; tỉ lệ giữa nội dung bài học và nội dung tích hợp PBGDPL; các câu hỏi được thiết kế trong ma trận và mức độ khó, dễ của các câu hỏi tùy thuộc vào đối tượng học sinh song phải đảm bảo câu hỏi có độ tin cậy và tính giá trị.

***Yêu cầu về xây dựng đáp án, biểu chấm***

- Chỉ ra được kết quả đúng cho câu hỏi. Riêng đối với câu hỏi “ mở” (tự luận) đáp án phải chỉ ra được các ý đúng trong câu trả lời.

- Đáp án phải hướng dẫn cách cho điểm cụ thể của từng câu, thang điểm của toàn bộ đề kiểm tra (thang điểm 10, điểm lẻ có thể đến 0,5 với bài Học kỳ)

***Tiến hành kiểm tra***

+ Đối với bài ktra thường xuyên: KT miệng, 15 viết phút ( không nhất thiết phải tiến hành đầu giờ mà có thể linh hoạt theo cấu trúc của giờ học).

+ Tăng cường kiểm tra bằng phiếu hỏi, phiếu học tập => giúp nhanh chóng thu những phản hồi về quá trình dạy & học để điều chỉnh việc học & phương pháp dạy một cách kịp thời.

\* ***Đối với đề kiểm tra, đánh giá thường xuyên:***

Kết hợp kiểm tra miệng và kiểm tra viết, trong đó kiểm tra viết chia thành:

- *Kiểm tra thường xuyên trên lớp* sau khi học xong bài mới ( 5-7 phút cuối tiết), 3-5 câu thiên về TNKQ, mức độ dễ, trung bình, câu khó ít hơn hoặc không sử dụng.

- *Kiểm tra thường xuyên phát đề hoặc làm bài tập cho HS làm ở nhà.*

Câu hỏi khó hơn gồm cả TNKQ & tự luận, thường là câu khó nhiều hơn câu trung bình, không nên có câu dễ.

**\* Đối với bài kiểm tra đánh giá định kỳ:**

- *Đề kiểm tra 1 tiết giữa kỳ*: gồm lượng kiến thức 1 phần chương trình đã được học đến thời điểm kiểm tra ( thường tương đương lượng kiến thức cần nắm của ½ HK).

- *Đề KTHK*: lượng kiến thức bao quát cả học kỳ.

#### **IV. Bài tập phát triển kỹ năng:**

1. Tên bài tập: Trình bày các yêu cầu cơ bản PBGDPL trong môn GD CD ở trường PT.

2. Những vấn đề cần thực hiện:

- Nắm vững và thực hiện thành thạo các PP&KT DHTC trong PBGDPL.
- Thực hiện kiểm tra đánh giá PBGDPL theo yêu cầu đổi mới.
- Trao đổi với đồng nghiệp về những nội dung đó.



## **Bài 4**

# **KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở THCS**

Thời gian: 5 giờ

### **I. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- Hiểu được vai trò của phương tiện, thiết bị và đồ dùng dạy học môn GDCD theo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá;
- Biết các loại phương tiện, thiết bị và đồ dùng dạy học môn GDCD, biết nguồn tư liệu và cách khai thác sử dụng có hiệu quả, phù hợp với đối tượng học sinh và tạo được hứng thú cho học sinh khi học môn GDCD.
- Nêu được các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản trong việc sử dụng đồ dùng dạy học theo yêu cầu đổi mới.

#### **2. Kỹ năng**

- Biết cách khai thác và sử dụng các phương tiện, thiết bị và đồ dùng dạy học môn GDCD trong trường PT.
- Có thể khai thác và sử dụng thành thạo một số phương tiện, thiết bị và đồ dùng dạy học cần thiết trong giảng dạy môn GDCD ở trường PT.
- Sử dụng linh hoạt, sáng tạo các phương tiện, thiết bị và đồ dùng dạy học phù hợp với từng đối tượng HS.

#### **3. Thái độ**

- Tích cực sáng tạo tìm tòi, học tập để nâng cao trình độ và khả năng khai thác, sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học theo yêu cầu đổi mới PPDH.
- Thường xuyên sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học theo yêu cầu đổi mới PPDH.

### **II. Tài liệu và điều kiện hỗ trợ học tập**

- Phiếu học tập
- Thông tin hỗ trợ
- Tranh ảnh minh họa, băng hình
- Các văn bản

### **III. Nội dung**

## **I. Khai thác và sử dụng thiết bị dạy học môn GDCD THCS**

### **1. Các thiết bị dạy học trong môn GDCD**

#### *a. Các thiết bị chung*

+ Máy chiếu

+ Bảng biểu, sơ đồ...

#### *b. Các thiết bị riêng:*

+ Các đoạn phim, video...

+ Các câu chuyện tình huống PL....

+ Hình ảnh, tranh ảnh...

+ Bài tập tình huống, các vở kịch ngắn, phiếu học tập...

#### *c. Ưu điểm của việc sử dụng các thiết bị dạy học trong môn GDCD:*

- HS tiếp nhận các đơn vị kiến thức một cách chủ động hứng thú, tránh được thái độ thờ ơ, nhàm chán.

- Nâng cao được khả năng ghi nhớ của HS

- Tăng cường khả năng vận dụng kiến thức với liên hệ thực tế.

- Không khí lớp học sôi nổi, hiệu quả đạt được cao hơn so với các giờ học khác (không sử dụng).

- Cập nhật được các thông tin kiến thức mới kịp thời.

#### *d. Hạn chế (một số khó khăn đối với GV):*

- GV phải đầu tư nhiều thời gian công sức: Tìm kiếm thông tin và chuẩn bị các phương tiện dạy học hỗ trợ (máy chiếu, loa đài, phiếu học tập, quay phim, chụp ảnh...)

- GV phải lựa chọn được các đơn vị kiến thức phù hợp mới đem lại hiệu quả giáo dục thiết thực.

- Cần phải có các phần mềm hỗ trợ để tải, cắt hình ảnh hoặc các đoạn video...

**2. Các hình thức sử dụng các thiết bị dạy học:** (VD: Các đoạn Video, hình ảnh hoặc các câu chuyện tình huống pháp luật) ...

- Kiểm tra bài cũ;

- Giới thiệu bài học;

- Làm rõ khái niệm, nội dung;

- Củng cố kiến thức;

- Bài tập về nhà...

### **3. Sử dụng đồ dùng dạy học môn GDCD THCS.**

*a. Đồ dùng dạy học được hiểu là những phương tiện vật chất được sử dụng trong dạy học. Nhìn chung có thể chia thành 2 nhóm:*

\* Nhóm các loại đồ dùng thông thường, được tạo ra trong quá trình dạy học, gồm:

- Các dụng cụ giảng dạy và học tập:

+ Dụng cụ dùng chung, công cộng như: Bảng, phấn, giấy, bút, thước...

+ Dụng cụ cá nhân: vở, bút, thước, giấy...

- Các tài liệu giảng dạy và học tập:

+ SGK, SGV, sách bài tập của HS, sách tham khảo...

+ Tư liệu, tranh ảnh, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ...

+ Phiếu học tập

- Các đồ dùng thông thường trong gia đình, trong sinh hoạt hàng ngày (dùng để sắm vai hoặc tổ chức trò chơi)

\* Nhóm các phương tiện kỹ thuật, có tính chuyên nghiệp, có cấu tạo, tính năng kỹ thuật phức tạp, gồm:

- Các phương tiện kỹ thuật nghe nhìn:

+ Máy và băng, đĩa ghi âm là phương tiện để nghe.

+ Máy chiếu và các bản in, hình vẽ trên giấy trong ( giấy kính) là phương tiện để nhìn.

+ Máy và băng đĩa hình (Video), phim, đèn chiếu, phim tài liệu..., máy thu hình và các chương trình truyền hình. Các phương tiện này tác động đồng thời vào thính giác và thị giác của người học, để nhìn, để nghe, quan sát, nói...

- Các dụng cụ thí nghiệm, thực nghiệm: sa bàn, mô hình kỹ thuật trình diễn sự vận động, diễn biến của sự vật, hiện tượng ... (sa bàn, mô hình các điểm nút giao thông)

- Các phương tiện đa chức năng, đó là máy tính điện tử và các phần mềm dạy học trên máy tính.

*b. Chức năng của đồ dùng dạy học:* - Các kiểu và loại đồ dùng dạy học tuy có tính chất khác nhau nhưng chức năng của chúng là tích hợp và cơ động. Mỗi đồ dùng dạy học đều có thể thực hiện 3 chức năng sau:

- + Thông báo hay trình bày thông tin.
- + Minh họa, giải thích, mô tả trực quan.
- + Tổ chức và tiến hành các hoạt động.

*Ví dụ:* Tư liệu, tranh ảnh, bảng số liệu... trước hết là để trình bày nội dung, các thông tin minh họa, giải thích; học sinh đọc thông tin, xử lý tài liệu, hành động và suy nghĩ trên các tài liệu này và trao đổi với nhau, với giáo viên. Đối với các phương tiện nghe nhìn, các phương tiện kỹ thuật khác thì ta càng thấy 3 chức năng trên được thực hiện đầy đủ và linh hoạt hơn.

Việc khai thác chức năng đồ dùng dạy học được giáo viên thực hiện ở 3 mức độ khác nhau. *Ví dụ:* Tranh ảnh, bảng biểu tác động đến học sinh, gây được phản ứng của các em và những thắc mắc, câu hỏi của các em đặt ra cho giáo viên và các bạn, giáo viên phải tiếp nhận, xử lý những câu hỏi học sinh tác động một lần nữa đến suy nghĩ và hành động của các em, khiến các em nảy ra những ý tưởng về những điều đã trình bày, tiến hành trao đổi thảo luận với nhau, với thầy cô. Đồ dùng dạy học sử dụng như vậy trở thành phương tiện đa chiều hay còn gọi là đa phương tiện, lúc đó hiệu quả sử dụng đồ dùng dạy học được xem là tối ưu. Giáo viên nên cố gắng sử dụng từng loại, kiểu đồ dùng dạy học hiện có theo mô hình đa phương tiện trong mọi mục đích sử dụng (trình bày thông tin hay minh họa, giải thích trực quan, tổ chức hoạt động giao tiếp).

*c. Một số quy tắc về sử dụng đồ dùng dạy học:*

\* Sử dụng tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ, sơ đồ:

- Treo tranh ảnh... ở vị trí dễ quan sát đối với HS, tốt nhất nên treo lên tường lớp, phía trước mặt HS.

- Lưu ý học sinh về nhiệm vụ quan sát theo dõi, nêu yêu cầu câu hỏi trước khi cho HS quan sát.

- GV phải mô tả, giải thích, nhất là đối với những chi tiết trừu tượng, phức tạp trên sơ đồ, biểu đồ.

- Cho HS thảo luận, phân tích nội dung, ý nghĩa, nhận xét, đánh giá sự kiện, tình huống qua tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ để rút ra những điều cần thiết liên quan đến bài học.

- \* Sử dụng các phương tiện nghe nhìn:

- Sử dụng phim giáo khoa: Lựa chọn phim và cập nhật nhất trong số những phim hiện có và thích hợp nhất với đề tài hoặc nội dung cần minh họa, mô tả, giải thích.

- Kiểm tra chất lượng hình ảnh, âm thanh của phim trước khi sử dụng.

- Khi chiếu phim trên lớp phải đảm bảo mọi HS đều có thể quan sát được màn ảnh.

- Trước khi cho HS xem phim cần tóm tắt, lưu ý những yêu cầu, câu hỏi định hướng, chỉ dẫn cách quan sát và ghi chép.

- Dành thời gian thảo luận và trao đổi sau khi xem phim và phát triển được đại ý của phim theo đề tài của bài học.

- \* Sử dụng máy chiếu ( Powpoint)

- Điều chỉnh tầm nhìn thích hợp với chiều cao ngồi của HS

- Khi trình chiếu cần lưu ý bao quát lớp để tất cả HS được nhìn rõ.

- Kết hợp giải thích và thảo luận theo từng nội dung được chiếu.

- \* Sử dụng tài liệu trên vô tuyến truyền hình ( băng đĩa, video).

- Bố trí địa điểm xem thích hợp để mọi HS đều có thể quan sát được và nên che bớt ánh sáng.

- Thử máy và tài liệu trước khi sử dụng, tập dượt thao tác với hệ thống điều khiển của thiết bị sao cho thành thạo.

- Giới thiệu tóm tắt chủ đề, nêu yêu cầu, câu hỏi, hướng dẫn HS theo dõi chương trình ghi chép hoặc ghi nhớ.

- Tổ chức thảo luận để phân tích và làm sáng tỏ những điểm chủ yếu, quan trọng của đoạn băng, đĩa hình vừa xem gắn với mục tiêu và nội dung của giờ học.

## **II. Khai thác và sử dụng câu chuyện pháp luật trong dạy học nội dung pháp luật môn GDCD**

### **1. Mục tiêu khai thác và sử dụng các câu chuyện pháp luật trong dạy học chương trình môn GDCD THCS**

Trong quá trình giảng dạy giáo viên có thể sử dụng các câu chuyện, tình huống pháp luật vào nhiều dạng khác nhau nhằm những mục đích khác nhau. Nhưng nhìn chung có các dạng cơ bản thường được các giáo viên sử dụng một cách hiệu quả.

*a. Sử dụng các câu chuyện pháp luật để dẫn dắt vào nội dung bài học, tiết học, đơn vị kiến thức.*

Khi giảng bài, giáo viên thường sử dụng phương pháp thuyết trình, kể chuyện, dùng lời nói để dẫn dắt học sinh vào bài học hoặc vào một tiết học.

Có hai hình thức để dẫn học sinh vào nội dung bài học.

*Sử dụng các câu chuyện pháp luật để vào bài mới*

Đây là hình thức giáo viên dùng một câu chuyện pháp luật có nội dung phù hợp với chủ đề bài học để đưa học sinh vào bài thay cho phần giới thiệu bài thông thường. Từ nội dung của câu chuyện, giáo viên làm rõ chủ đề của bài học và bằng những câu hỏi có tính logic để dẫn học sinh vào bài mới. Học sinh sẽ hứng thú để bước vào bài.

*Sử dụng các câu chuyện pháp luật để dẫn học sinh vào từng đơn vị kiến thức của bài học*

Cũng giống như sử dụng câu chuyện pháp luật để vào bài mới, chỉ có điều khác ở đây giáo viên sử dụng câu chuyện pháp luật để vào một phần nào đó, một đơn vị kiến thức nào đó của bài học. Do vậy, nội dung của câu chuyện ở đây có thể không phải là nội dung chung của toàn bài mà chỉ là một câu chuyện mang một nội dung của một phần bài học.

*b. Sử dụng các câu chuyện pháp luật để làm rõ, khắc sâu kiến thức.*

Giáo viên dùng câu chuyện pháp luật có nội dung phù hợp để làm sáng tỏ tri thức của bài học. Qua nội dung câu chuyện, học sinh sẽ nắm được tri thức bài học, hay nói cách khác là thay cho việc dùng lý luận để phân tích, lý giải tri thức bài học cho học sinh, đây là hình thức gắn kiến thức với thực tiễn, góp phần củng cố nội dung bài học.

*c. Sử dụng các câu chuyện pháp luật, tình huống pháp luật để kiểm tra bài cũ:*

1. GV cho HS xem đoạn video về nữ sinh đánh nhau và trả lời câu hỏi: Theo em hành vi của bạn HS nữ đó đã vi phạm quyền tự do cơ bản nào của công dân? Nếu em là người chứng kiến sự việc trên em sẽ làm gì?

2. GV cho HS xem đoạn video về giữ người trái PL và trả lời câu hỏi: Theo em hành vi giữ người trái PL trong đoạn phim trên đã vi phạm quyền tự do cơ bản nào của công dân và sẽ bị xử lý như thế nào?

*d. Sử dụng các câu chuyện pháp luật để củng cố bài học, ôn tập.*

Đây là hình thức sử dụng các câu chuyện pháp luật sau khi kết thúc bài học... Giáo viên kể cho học sinh nghe một câu chuyện có nội dung phù hợp với bài học, trong đó nhấn mạnh đến những chi tiết thể hiện kiến thức của bài học để củng cố lại tri thức đã truyền thụ cho học sinh.

**2. Các bước sử dụng các câu chuyện pháp luật để dạy học chương trình môn GDCD THCS.**

Sử dụng câu chuyện pháp luật để dạy học cũng là một phương tiện dạy học của giáo viên. Thông qua câu chuyện, tình huống, giáo viên tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh một cách tích cực. Trong dạy học môn GDCD việc sử dụng câu chuyện pháp luật có thể tiến hành bằng nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào điều kiện dạy học. Tuy nhiên ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến việc sử dụng câu chuyện pháp luật thông qua phương pháp kể chuyện, hình ảnh, video...

Với đặc thù kiến thức môn GDCD THCS có các tình huống, nội dung pháp luật thường khó và phải suy luận lâu. Do đó, khi sử dụng câu chuyện pháp luật để dạy học cần có sự chuẩn bị kỹ trước khi lên lớp. Trước khi dạy bài mới, ngoài việc giáo viên nhắc các em chuẩn bị đọc bài mới ở nhà, mà thông qua các kiến thức đã đọc hãy sưu tầm, tìm hiểu những ví dụ, những câu chuyện pháp luật liên quan đến nội dung. Như vậy vào bài mới các em sẽ chủ động, tránh được tình trạng giáo viên nói còn học sinh chỉ ngồi nghe một chiều.

*Sử dụng câu chuyện pháp luật để dạy học chương trình môn GDCD THCS giáo viên có thể thực hiện các bước sau.*

**Thứ nhất:** Giáo viên sưu tầm các câu chuyện pháp luật có nội dung phù hợp với nội dung kiến thức sắp dạy.

Tùy theo hình thức tổ chức dạy học (cá nhân hay nhóm) mục đích sử dụng câu chuyện pháp luật (dạy bài mới, củng cố bài, giới thiệu bài...) mà giáo viên khai thác các câu chuyện theo định hướng nhất định.

**Thứ hai:** Giáo viên hoặc học sinh kể câu chuyện trước lớp (do giáo viên lựa chọn), giáo viên yêu cầu học sinh phân tích và trả lời câu hỏi ở cuối câu chuyện tùy theo mục đích của giáo viên. Trong khi học sinh thảo luận hoặc suy nghĩ, giáo viên cần quan sát hướng dẫn cho các em.

Giáo viên cho cá nhân hoặc đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, đồng thời những học sinh còn lại có thể bổ sung, nhận xét ý kiến mà các ban vừa nêu. Với chương trình môn GDCD THCS, các tình huống, nội dung pháp luật sẽ có rất nhiều ý kiến được đưa ra nhằm phát triển kỹ năng nói, lập luận, phản biện giúp các em tự tin hơn.

**Thứ ba:** Giáo viên theo dõi lắng nghe, phân tích và tổng hợp các ý kiến của học sinh trả lời, đồng thời đưa ra ý kiến chính xác giúp học sinh nắm vững kiến thức.

Mục đích của bước này là giúp học sinh rút ra được ý kiến riêng của bản thân, học hỏi rút kinh nghiệm từ những ý kiến của bạn bè. Giáo viên chỉ cần kết luận và rút ra vài ý kiến chính để định hướng cho các em. Công việc còn lại là khuyến khích học sinh tự nhận xét, đánh giá. Thông qua việc tổng kết đánh giá học sinh rút ra được bài học cho mình. Nếu nhận xét hoặc đánh giá của học sinh không đúng, chệch hướng, giáo viên cần khéo léo định hướng cho các em.

Để làm rõ việc sử dụng câu chuyện pháp luật trong dạy học môn GDCD THCS, chúng tôi xin đưa ra một số ví dụ sau:

Bước 1: Giáo viên tóm gọn ý chính và kể cho học sinh nghe về câu chuyện để củng cố phần 1b trong khoảng 2 phút. Giáo viên đưa ra câu hỏi sau khi kết thúc:

1. Phân tích những hành vi ngược đãi, hành hạ dã man bé Nguyễn Thị Hảo của bà Nguyễn Thị Mỹ?

2. Em có nhận xét gì về hành vi của bà Mỹ và ý kiến của em như thế nào?

Bước 2: Học sinh lắng nghe câu chuyện và trả lời câu hỏi sau khi kết thúc câu chuyện.

Học sinh thảo luận nhóm và trình bày ý kiến của mình, thời gian thảo luận 3 phút. Giáo viên theo dõi, quan sát học sinh thảo luận.

Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, những học sinh khác chú ý và bổ sung.

Bước 3: Giáo viên theo dõi và phân tích tổng hợp ý kiến của các nhóm, đồng thời bổ sung, kết luận đưa ra đáp án hoàn chỉnh:



Hành vi của bà Mỹ là vi phạm pháp luật (vi phạm quyền bình đẳng giữa cha mẹ và con cái), đồng thời tỏ được thái độ lên án, tố cáo hành vi dã man, ngược đãi con cái của bà Mỹ nói riêng và những gia đình khác trong cuộc sống.

Giáo viên có thể nhận xét quá trình làm việc của các cá nhân, nhóm, có thể cho điểm với những ý kiến hay để khuyến khích tinh thần học bài của các em.

### **3. Vận dụng một số phương pháp dạy học sử dụng câu chuyện pháp luật để dạy học chương trình môn GDCD THCS**

#### **3.1. Phương pháp thảo luận nhóm**

*\* Một số lưu ý:*

- Mở đầu thảo luận, để gây hứng thú cho HS GV nên cung cấp những thông tin mới, những câu trích dẫn hay, những câu chuyện hoặc xem tranh ảnh minh họa phù hợp chủ đề.

- Cần thường xuyên thay đổi cách thảo luận nhóm bằng cách chia các nhóm khác nhau, số HS không nên quá đông, chỗ ngồi phải hợp lý.

- Nhóm trưởng và thư ký và người trình bày nên thay đổi lần lượt để ai cũng được thực hiện nhiệm vụ.

- Nội dung thảo luận cần phù hợp với HS, sát chủ đề bài học.

- Câu hỏi thảo luận cần rõ ràng ngắn gọn, dễ hiểu, kích thích phát triển tư duy HS.

- GV cần theo dõi khuyến khích HS khi thảo luận

#### **3.2. Phương pháp giải quyết vấn đề**

- Đưa HS vào tình huống/ vấn đề

- HS tìm hiểu vấn đề (nhận diện được vấn đề)

- Thu thập thông tin có liên quan

- Tìm giải pháp giải quyết (Đề xuất giải pháp, lập luận, phân tích, đánh giá...)

- Lựa chọn giải pháp tối ưu

- Quyết định hành động

*\* Một số lưu ý*

- Vấn đề nêu ra phải liên hệ với kinh nghiệm sống thực tế của HS

- Phải chứa đựng mâu thuẫn, gợi cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết khác nhau

- Vừa sức HS
- GV chỉ nên định hướng cho HS, không nên áp đặt.

\* **VD minh họa:** Ông An là cán bộ thuộc một công ty của nhà nước. Trong quá trình công tác, ông nhận thấy giám đốc công ty có những biểu hiện tham nhũng như: nhận hối lộ để bao che cho những việc làm xấu, vi phạm nguyên tắc tài chính của nhà nước, thường xuyên sử dụng xe ô tô của công ty để phục vụ việc làm ăn buôn bán của vợ, sử dụng tài sản của công ty để tiêu xài, đánh bạc. Khi thấy một số người trong công ty có ý kiến phản đối, ông ta liền tìm cách đe dọa, trừ dập họ và dùng tiền của công ty lôi kéo, mua chuộc một số phần tử xấu ủng hộ, bao che những hành vi sai phạm của mình. Ông An rất bất bình trước những sai phạm của giám đốc, nhưng còn lưỡng lự chưa biết nên làm gì...

**Câu hỏi:**

1. Theo em, hành vi của giám đốc công ty đã vi phạm quy định nào của PL?
2. Ông An nên làm gì để thực hiện tốt trách nhiệm của CD trong việc tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN?

**3.3. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**

**Một số lưu ý:** - Trường hợp điển hình được nêu lên nhằm phản ánh tính đa dạng của cuộc sống hiện thực, nên nó phải tương đối phức tạp, với các tuyến nhân vật và những tình huống khác nhau chứ không phải là một câu chuyện đơn giản.

- Trường hợp điển hình phải phù hợp với HS trong điều kiện cụ thể và thời lượng cho phép

**3.4. Phương pháp đóng vai**

**a. Một số điểm cần lưu ý**

- Tình huống để đóng vai cần để mở cho học sinh tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước "kịch bản", lời thoại.

- Tình huống đóng vai phải có tính mục đích rõ ràng, không nên quá phức tạp và phải có nhiều hướng giải quyết khác nhau.

- Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai, mỗi nhóm thể hiện cách ứng xử khác nhau, trên cơ sở đó học sinh nhận xét, đánh giá, so sánh các cách ứng xử và lựa chọn cách ứng xử tối ưu.

- Phải dành thời gian thích hợp cho học sinh thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

- Trong khi học sinh thảo luận và chuẩn bị đóng vai, giáo viên nên đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ học sinh khi cần thiết.

### **3.5. Phương pháp dự án**

#### ***a . Một số điểm cần lưu ý***

- Đề tài dự án phải phù hợp với thực tiễn địa phương, phù hợp với khả năng và hứng thú của học sinh.

- Kế hoạch thực hiện dự án phải cụ thể, huy động được sự tích cực tham gia của học sinh.

- Trong các nhóm nên có cả học sinh khá giỏi và học sinh yếu để có thể giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau.

- Trong quá trình thực hiện dự án, giáo viên cần quan tâm động viên và hỗ trợ kịp thời khi học sinh gặp khó khăn.

## **III. Khai thức sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực cơ bản trong môn GDCD THCS**

### ***1. Kỹ thuật động não***

- GV nêu câu hỏi
- Khích lệ HS trả lời
- Liệt kê các ý kiến
- Phân loại ý kiến
- Làm sáng tỏ ý kiến chưa rõ ràng
- Tổng hợp ý kiến và rút ra kết luận

### ***2. Kỹ thuật khăn phủ bàn***

\* Lưu ý:

- Câu hỏi thảo luận là câu hỏi mở
- Trong trường hợp số HS quá đông, không đủ chỗ trên "khăn phủ bàn" có thể phát cho HS những mảnh giấy nhỏ để HS ghi ý kiến cá nhân, sau đó dính vào phần xung quanh "khăn phủ bàn"

- Trong quá trình thảo luận thống nhất ý kiến, dính những ý kiến thống nhất vào giữa "khăn phủ bàn". Những ý kiến trùng nhau có thể đặt chồng lên nhau. Những ý

kiến không thống nhất, cá nhân có quyền bảo lưu và được giữ lại ở phần xung quanh của "khăn phủ bàn".

### **3. Kỹ thuật phòng tranh**

- GV nêu câu hỏi cho cả lớp hoặc các nhóm
- Mỗi thành viên hoặc cả nhóm phác họa ý tưởng và cách giải quyết vào tờ bìa dán lên bảng xung quanh lớp học như triển lãm phòng tranh
- Cả lớp xem và có ý kiến bình luận bổ sung.
- Sau đó tập hợp lại và tìm giải pháp tối ưu

### **4. Kỹ thuật công đoạn**

- HS được chia thành các nhóm khác nhau với các nhiệm vụ khác nhau.
- Các nhóm đọc và bổ sung ý kiến cho nhóm bạn, mỗi nhóm đều nhận được sự góp ý của tất cả các nhóm.
- Sau đó các nhóm được nhận lại tờ giấy của nhóm mình cùng các ý kiến khác để hoàn thiện xong treo kết quả lên bảng

### **5. Kỹ thuật hỏi và trả lời**

- GV hoặc HS đặt câu hỏi về chủ đề và yêu cầu HS khác trả lời câu hỏi đó.
- HS vừa trả lời xong câu hỏi đầu tiên lại được đặt tiếp một câu hỏi nữa và yêu cầu HS khác trả lời.
- HS này sẽ tiếp tục quá trình trả lời và đặt câu hỏi cho các bạn cùng lớp. Việc hỏi và trả lời sẽ tiếp tục cho đến khi GV yêu cầu dừng lại.

### **6. Kỹ thuật "hỏi chuyên gia"**

- HS xung phong hoặc GV phân công tạo thành nhóm chuyên gia về một chủ đề nhất định
- Các chuyên gia nghiên cứu và thảo luận về những tài liệu có liên quan đến chủ đề mình được phân công.
- Nhóm chuyên gia lên ngồi phía trên lớp học
- Em trưởng nhóm chuyên gia hoặc GVCN sẽ lên điều khiển buổi tư vấn, mời các bạn HS đặt câu hỏi hoặc rồi mời chuyên gia giải đáp, trả lời.

### **7. Kỹ thuật trình bày một phút**

- Đây là kỹ thuật tạo cơ hội cho HS tổng kết lại kiến thức đã học và đặt những câu hỏi về những điều băn khoăn, thắc mắc bằng các bài trình bày ngắn gọn và cô đọng.

VD: Theo em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp? Điều quan trọng nhất hôm nay các em học được là gì?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, trình bày trước lớp trong thời gian 1 phút

### **8. Kỹ thuật lược đồ tư duy** (bản đồ khái niệm)

- Một số lưu ý khi tổ chức dạy học sử dụng sơ đồ tư duy:

+ HS cần được giới thiệu nhiều cách tổ chức thông tin dưới dạng sơ đồ tư duy; sơ đồ thứ bậc, sơ đồ mạng, sơ đồ chuỗi, sơ đồ quan hệ toàn bộ/ một phần...

+ GV đưa ra các câu hỏi để gợi ý cho HS lập sơ đồ

+ Khuyến khích HS phát triển, sắp xếp ý tưởng để hoàn thành sơ đồ.

### **9. Kỹ thuật XYZ:**

- Đây là kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm.

- X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến cần đưa ra, Z là phút dành cho mỗi người.

- VD: Kỹ thuật 635 thực hiện như sau: Mỗi nhóm 6 người, mỗi người viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết một vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh. Tiếp tục như vậy cho đến khi mọi người đều được viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác.

- Con số X,Y,Z có thể thay đổi

- Sau khi thu thập ý kiến, thảo luận đánh giá các ý kiến.

### **10. Kỹ thuật "bể cá"**

- Thảo luận theo nhóm. Một nhóm ngồi ở giữa thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi sau khi kết thúc thảo luận thì đưa ra nhận xét hoặc câu hỏi cho nhóm thảo luận và có thể tham gia góp ý thảo luận hoặc có thể ngồi vào vòng trong nếu còn chỗ trống.

- VD: Câu hỏi cho những người quan sát

+ Người nói có nhìn vào người đang nói với mình không?

+ Họ có nói một cách dễ hiểu không?

+ Họ có đưa ra những luận điểm thuyết phục không?

- + Họ có lệch hướng khỏi đề tài không?
- + Họ có tôn trọng những quan điểm khác không?

### **11. Kỹ thuật đọc hợp tác** (Đọc tích cực)

- Tăng cường khả năng tự học và tiết kiệm thời gian
  - GV nêu câu hỏi, định hướng, hướng dẫn cho HS tự đọc.
  - HS làm việc cá nhân:
    - + Đoán trước khi đọc
    - + Đọc và đoán nội dung
    - + Tóm tắt ý chính
  - HS chia sẻ ý kiến theo nhóm và giải đáp thắc mắc theo nhóm 2 hoặc 4 HS
- thống nhất ý kiến về nội dung chính của bài.
- HS nêu câu hỏi để GV trả lời
  - VD các câu hỏi GV có thể dùng để giúp HS tóm tắt ý chính:
    - + Em có suy nghĩ gì...
    - + Em có chú ý gì khi đọc...
    - + Em so sánh A và B như thế nào?
    - + A và B giống nhau và khác nhau như thế nào?

## **VI. Hướng dẫn tổ chức một số hoạt động và hình thức thực hành, ngoại khóa**

### **1. Hoạt động thực hành**

- Tổ chức cho HS thực hiện các dự án điều tra tìm hiểu về tình hình ở địa phương và toàn quốc, tìm hiểu các quy định của PL về vấn đề ngoại khóa.
- Tổ chức cho HS tham gia các hoạt động tuyên truyền về nội dung, biện pháp theo chủ đề ngoại khóa

### **2. Hoạt động thực tế**

- Có thể tổ chức cho HS tham dự các phiên tòa xét xử tội tham ô, nhận hối lộ...

### **3. Hoạt động ngoại khóa**

- Tổ chức cho HS nghe nói chuyện với cán bộ địa phương về các biện pháp theo chủ đề, thi văn nghệ, vẽ tranh, tiểu phẩm, triển lãm ...

## **Bài 5. GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUYỀN TRẺ EM**

Thời gian thực hiện: 3 giờ

### **I. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- Hiểu được một số quyền cơ bản của pháp luật quy định về quyền trẻ em
- Nắm vững những quy định của pháp luật về các quyền của trẻ em để xử lý các tình huống trong thực tiễn giáo dục, đảm bảo thực hiện đúng quyền trẻ em.

#### **2. Kỹ năng**

- Có phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ em và đảm bảo thực hiện đúng quyền lợi của trẻ em được quy định trong các văn bản pháp luật

#### **3. Thái độ**

- Có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với yêu cầu và chuẩn mực đạo đức xã hội; Có tình cảm và trách nhiệm đối với trẻ em, không phân biệt đối xử trái với những quy định của pháp luật.

### **II. Tài liệu và điều kiện hỗ trợ học tập**

- Phiếu học tập
- Thông tin hỗ trợ
- Tranh ảnh minh họa, băng hình
- Các văn bản

### **III. Nội dung**

#### **1. Một số quyền của trẻ em được quy định trong pháp luật Việt Nam**

Việt Nam là nước đầu tiên ở Châu Á và thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước về Quyền trẻ em vào ngày 20/2/1990. Từ đó đến nay, Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong việc đưa tinh thần và nội dung của Công ước vào luật pháp quốc gia như: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Giáo dục, Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự, Luật Tố tụng Hình sự...

#### *Quyền được khai sinh*

Quyền được khai sinh là một trong những quyền quan trọng đầu tiên của mỗi người. Khoản 1, điều 11 luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định: “Trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch”. Quyền được khai sinh là điều kiện

tiên quyết để khẳng định mỗi trẻ em sinh ra một công dân của một quốc gia, một công dân bình đẳng, có những quyền và nghĩa vụ như những công dân khác.

Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em năm 1959 ghi nhận: “Trẻ em khi sinh ra có quyền được khai sinh”. Công ước Quốc tế về quyền trẻ em cũng khẳng định: “Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức khi sinh ra...” Điều đó cho thấy pháp luật quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam đều đặc biệt quan tâm đến quyền được khai sinh của trẻ em.

#### *Quyền có quốc tịch*

Quốc tịch là một khái niệm, một phạm trù chính trị - pháp lý xác định mối quan hệ giữa một con người với một nhà nước. Quốc tịch gắn liền với mỗi con người từ khi sinh ra đến khi chết đi và là tiền đề để họ được hưởng các quyền và làm nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước. Hệ thống pháp luật Việt Nam đã quy định về vấn đề quốc tịch của công dân nói chung và của trẻ em nói riêng. Điều 49, Hiến pháp năm 1992 ghi nhận: “Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam”. Bộ luật Dân sự 2005 quy định tại điều 45: “Cá nhân có quyền có quốc tịch...” Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 khẳng định: “Trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch”. Vì vậy, mọi trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam đều phải được xác định rõ quốc tịch và có quyền có quốc tịch.

#### *Quyền được chăm sóc nuôi dưỡng*

Được chăm sóc, nuôi dưỡng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vật chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể là quyền của trẻ em và là mục tiêu phấn đấu của gia đình, Nhà nước và xã hội. Hiến pháp 1992 khẳng định chế độ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em đồng thời đề cao trách nhiệm của gia đình, trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái: “Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt”(điều 64) “Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục”(điều 65). Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 tiếp tục cụ thể hoá những quy định trên: “Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.”

Chính sách của Đảng, Nhà nước ta về trẻ em nhằm mục tiêu đảm bảo cho trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn với 5 nguyên tắc cơ bản là: *không phân biệt đối xử với trẻ em; các quyền của trẻ em phải được tôn trọng và thực hiện; bảo vệ, chăm sóc và*



*giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội; dành lợi ích tốt nhất cho trẻ em; trẻ em thuộc diện chính sách xã hội, có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp để hoà nhập với gia đình, cộng đồng.*

#### *Quyền sống chung với cha mẹ*

“Trẻ em có quyền sống chung với cha mẹ. Không ai có quyền buộc trẻ em phải cách ly cha mẹ, trừ trường hợp vì lợi ích của trẻ em” (Điều 13 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em). Pháp luật quy định cha mẹ có nghĩa vụ và quyền sống chung với con. Quyền sống chung với cha mẹ là quyền tự nhiên, tất yếu và bất khả xâm phạm của mọi trẻ em, kể cả trường hợp trẻ em là con riêng của vợ hoặc chồng. Không ai có quyền buộc trẻ em phải cách ly cha mẹ trái với ý muốn của cha mẹ và trẻ em, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền chăm nom, chăm sóc, giáo dục đối với con chưa thành niên hoặc trường hợp cha mẹ đang thi hành án phạt tù tại trại giam thì người có thẩm quyền thực hiện pháp luật sẽ quyết định cách ly trẻ em với bố mẹ để bảo vệ lợi ích tốt nhất cho trẻ.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào quyền và lợi ích mọi mặt của trẻ. Trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi. Thì việc giao nhận con nuôi phải tuân theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

#### *Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, nhân phẩm, danh dự*

Đây là quyền cơ bản của công dân nói chung và trẻ em nói riêng được Hiến pháp 1992 ghi nhận tại điều 17: “Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm”. Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 và Bộ luật Dân sự 2005 quy định cụ thể hoá quyền này như sau: Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội tôn trọng bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự; Cá nhân có quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Bộ luật Hình sự năm 1999 có một chương (Chương X) quy định về người chưa thành niên phạm tội, và một chương (chương XII) quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong đó đặc biệt quan tâm tới trẻ em.

### *Quyền được chăm sóc sức khoẻ*

Trẻ em có quyền được chăm sóc bảo vệ sức khoẻ. Quyền này được quy định cụ thể tại điều 15 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Theo đó, trẻ em dưới 6 tuổi được chăm sóc sức khoẻ ban đầu, được khám, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập; trẻ em được y tế cơ sở quản lý sức khoẻ, được tiêm chủng phòng bệnh, phòng dịch, được khám bệnh chữa bệnh.

Để trẻ em được hưởng các quyền lợi về y tế, gia đình, cha mẹ và người nuôi dưỡng có trách nhiệm thực hiện những quy định về kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng theo kế hoạch của các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe trẻ em khi ốm đau và thực hiện các chỉ định của thầy thuốc trong khám chữa bệnh cho trẻ.

### *Quyền được học tập*

Quyền được học tập là một quyền vô cùng quan trọng đối với con người đặc biệt là đối với trẻ em. Vì vậy, Hiến pháp năm 1992 đã quy định: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân”. Cùng với hiến pháp, quyền này còn được cụ thể hóa trong nhiều văn bản khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm 2004 khẳng định tại điều 16: “Trẻ em có quyền được học tập” “Trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải trả học phí” Theo quy định của pháp luật Việt Nam bậc tiểu học là bậc giáo dục bắt buộc đối với mọi trẻ em. Mọi trẻ em không phân biệt điều kiện, hoàn cảnh đều được bình đẳng về cơ hội học tập và được nhà nước tạo điều kiện cho học tập.

Luật giáo dục cũng khẳng định mục tiêu của giáo dục Việt Nam là “đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.” Với mục tiêu đó, trẻ em có quyền và được tạo điều kiện tiếp cận một nền giáo dục cơ bản, toàn diện và có chất lượng để trở thành một thế hệ công dân mới có đức, có tài tiếp bước cha anh xây dựng Tổ quốc.

### *Quyền vui chơi, giải trí*

Điều 17 Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm 2004 có quy định: “Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí lành mạnh, được hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục,

thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi”. Vui chơi giải trí là nhu cầu của con người. Riêng đối với trẻ em đây không chỉ là nhu cầu đơn thuần mà còn là điều kiện để trẻ em phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần. Trong thời đại ngày nay, khi mà trẻ em sớm phải tiếp cận, làm quen và ứng dụng khoa học kỹ thuật cũng như công nghệ tiên tiến thì việc vui chơi giải trí lành mạnh càng trở nên quan trọng hơn, giúp tạo nên sự thoải mái về tinh thần, cân bằng về sức khỏe. Đặc biệt, việc thực hiện quyền vui chơi, giải trí của trẻ em chính là một bước chuẩn bị về tâm lý, sự năng động và sự thích nghi cho một xã hội công nghiệp phát triển mạnh trong tương lai.

#### *Quyền được phát triển năng khiếu*

Phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài là một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Điều đó được thể hiện rõ trong hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam. Hiến pháp năm 1992 ghi nhận: “ Học sinh có năng khiếu được nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập để phát triển tài năng” Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định tại điều 18: “Trẻ em có quyền được phát triển năng khiếu. Mọi năng khiếu của trẻ em đều được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển” Nội dung này tiếp tục được khẳng định tại điều 10 Luật giáo dục như sau: “Nhà nước và cộng đồng...tạo điều kiện cho những người có năng khiếu phát triển tài năng”. Các quy định trên cho thấy việc phát triển năng khiếu của trẻ em luôn được quan tâm chú trọng. Thực hiện những quy định đó trong nhiều năm qua, cả nước đã mở nhiều lớp năng khiếu, lớp tài năng, trường chuyên, lớp chọn, tổ chức nhiều cuộc thi với hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi nhằm thu hút sự tham gia của các em thiếu niên, nhi đồng. Qua đó kích thích khả năng sáng tạo, phát hiện, bồi dưỡng các em sớm trở thành nhân tài phục vụ Tổ quốc.

#### *Quyền có tài sản*

Điều 19 Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: “Trẻ em có quyền có tài sản, quyền thừa kế theo quy định của pháp luật”. Quy định này đã cụ thể hóa quyền tài sản của công dân được ghi nhận Hiến pháp năm 1992: “Công dân có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, vốn và tài sản khác trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp và quyền thừa kế của công dân.”

Quyền có tài sản của trẻ em còn được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 như sau: “Con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm tài sản được thừa kế riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và các thu nhập hợp pháp khác”

Quyền có tài sản của trẻ em đã được cụ thể hóa trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhưng do trẻ em chưa có đủ khả năng quản lý, định đoạt tài sản riêng nên pháp luật đã quy định trách nhiệm của cha, mẹ, người giám hộ trong việc quản lý và định đoạt tài sản riêng của trẻ em.

## **Bài 6. MỘT SỐ CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT THEO CHỦ ĐỀ**

Thời gian thực hiện: 5 giờ

### **CHỦ ĐỀ 1**

#### **QUYỀN TRẺ EM; QUYỀN, NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH**

Các nội dung chính trong chủ đề: Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em (Việt Nam) ; Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình.

*1. Có ý kiến cho rằng: chỉ có những trẻ em da trắng và da vàng mới có những quyền trẻ em được quy định trong công ước quốc tế về quyền trẻ em, còn trẻ em da đen ở những nước châu Phi thì không có những quyền này. Xin hỏi nhận định như thế có đúng không?*

**Trả lời:** Công ước Liên Hiệp quốc về quyền trẻ em là một công ước quốc tế quy định các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của trẻ em. Công ước có hiệu lực từ ngày 2 tháng 9 năm 1990. Hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới đều đã tham gia công ước (193 quốc gia, trừ Hoa Kỳ và Somalia). Các quốc gia phê chuẩn công ước này chịu ràng buộc của các quy định công ước này theo luật quốc tế. Điều 2 của công ước khẳng định rằng các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền trẻ em được nêu ra trong công ước mà không có sự phân biệt, đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc....

Như vậy, trẻ em ở bất cứ quốc gia nào đã tham gia công ước đều được hưởng những quyền trẻ em được ghi nhận trong công ước, không phụ thuộc vào màu da của các em. Trẻ em da đen cũng như trẻ em da trắng, đều có các quyền bình đẳng như nhau.

Việt Nam là nước thứ 2 trên thế giới tham gia Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em vào ngày 20 tháng 2 năm 1990. Ngay sau đó, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào năm 1991 để ghi nhận các quyền trẻ em trong công ước này.

*2. Chú Khang là hàng xóm nhà Tuyết. Bé Bi, con trai của chú Khang vừa mới tròn 2 tuổi. Tuyết thường hay sang chơi với bé Bi. Có một lần Tuyết nghe thấy bố mình hỏi chú Khang: “Em đã đăng ký khai sinh cho cháu Bi chưa?” Chú Khang*

*cười rồi trả lời: “ Em chưa anh ạ. Đợi đến lúc bé Bi đi học tiểu học thì đăng ký cũng được. Vội gì!”*

*Hỏi: Trẻ em có quyền được đăng ký khai sinh ngay sau khi ra đời không? Pháp luật Việt Nam quy định về trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em như thế nào?*

**Trả lời:** Được đăng ký khai sinh ngay sau khi ra đời là một quyền cơ bản của trẻ em.

Khoản 1, Điều 7 Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em ghi nhận rằng: "Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi được sinh ra và có quyền có họ tên, có quốc tịch ngay từ khi chào đời..."

Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 của Việt Nam đã khẳng định rằng: Trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch. Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn; UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em, vận động cha mẹ, người giám hộ khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn. Trẻ em của hộ nghèo không phải nộp lệ phí đăng ký khai sinh.

Điều 14 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch cũng quy định rõ : “Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm đi khai sinh cho con; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em”.

Bé Bi đã tròn 2 tuổi mà chú Khang chưa đi đăng ký khai sinh cho bé là không đúng. Việc này có thể làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác trong tương lai của bé Bi.

*3. Trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?*

**Trả lời:** Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

Trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em được Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục năm 2004 (Điều 24) quy định như sau:

- Cha mẹ, người giám hộ là người trước tiên chịu trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, dành điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em; khi gặp khó khăn tự mình không giải quyết được, có thể yêu cầu và được cơ quan, tổ chức

hữu quan giúp đỡ để thực hiện trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

- Cha mẹ, người giám hộ, các thành viên lớn tuổi khác trong gia đình phải gương mẫu về mọi mặt cho trẻ em noi theo; có trách nhiệm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

- Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm chăm lo chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng lứa tuổi.

- Trong trường hợp ly hôn hoặc các trường hợp khác, người cha hoặc người mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên phải có nghĩa vụ đóng góp để nuôi dưỡng con đến tuổi thành niên, có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục con theo quy định của pháp luật.

*4. "Sáng ngày 25/5, trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi của quận H thấy một cháu bé khoảng 3 tuần tuổi bị bỏ rơi trước cửa trung tâm. Khấp người cháu bé bị bầm tím và sưng tấy do bị kiến cắn. Manh mối duy nhất để lại là một mảnh giấy ghi tên và ngày sinh của cháu. Công an đã nhanh chóng điều tra và tìm ra bố mẹ của cháu. Được biết, vì khi sinh ra, cháu đã bị teo não, bố mẹ không muốn nuôi nên đành bỏ cháu vào trung tâm".*

*Đọc xong tin trên, Minh (13 tuổi) thắc mắc, muốn biết những quyền trẻ em nào đã bị vi phạm và hành vi bỏ rơi trẻ em như trên có bị pháp luật trừng trị không?*

**Trả lời:** Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, hành vi bố mẹ bỏ mặc trẻ em vì lý do trẻ em bị bệnh nói trên đã vi phạm đến nhiều quyền cơ bản của trẻ em bao gồm:

- Quyền được sống chung với cha mẹ: Trẻ em có quyền sống chung với cha mẹ. Cha mẹ có trách nhiệm bảo đảm điều kiện để trẻ em được sống chung với mình.

- Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng: Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Cha mẹ là người trước tiên chịu trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, dành điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em.

- Quyền được chăm sóc sức khoẻ: Trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ. Cha mẹ có trách nhiệm thực hiện việc chữa bệnh cho trẻ em.

Theo Điều 9, Nghị định 91/2011/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2011 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì cha mẹ, người giám hộ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Sau khi sinh con, cha hoặc mẹ bỏ con, không chăm sóc, nuôi dưỡng;
- Cha, mẹ bỏ mặc con, người giám hộ cố ý bỏ rơi trẻ em ở nơi công cộng hoặc ép buộc trẻ em không sống cùng gia đình, bỏ mặc trẻ em tự sinh sống, không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em, để trẻ em này rơi vào hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Điều 40 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- Cha, mẹ, người giám hộ không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng, cắt đứt quan hệ tình cảm và vật chất với trẻ em, trừ trường hợp cho trẻ em làm con nuôi hoặc bị buộc phải cách ly trẻ em theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, để khắc phục hậu quả, pháp luật buộc cha, mẹ, người giám hộ thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em theo quy định của pháp luật do thực hiện hành vi nói trên.

*5. Khi Mai học hết tiểu học thì bố quyết định cho Mai nghỉ học để phụ giúp mẹ bán hàng. Khi các cô bác ở hội phụ nữ phường đến động viên cho Mai được đi học thì bố Mai cho rằng: bố mẹ có quyền quyết định việc học của con cái.*

*Xin hỏi; Bố mẹ có quyền quyết định việc học của con cái hay không? Trách nhiệm bảo đảm quyền học tập của trẻ em được pháp luật Việt Nam quy định như thế nào?*

**Trả lời:** Đối với trẻ em, học tập có ý nghĩa quan trọng. Trẻ em cần được học tập để trở thành con ngoan, trò giỏi, người hữu ích cho gia đình, xã hội và tương lai sẽ trở thành công dân tốt, người lao động tốt góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Vì vậy, Điều 16, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 đã khẳng định rằng: "Trẻ em có quyền được học tập."

Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm bảo đảm quyền được học tập của trẻ em. Trách nhiệm này được Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Điều 28 như sau:



- Gia đình, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em được thực hiện quyền học tập; học hết chương trình giáo dục phổ cập; tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

- Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm thực hiện giáo dục toàn diện về đạo đức, tri thức, thẩm mỹ, thể chất, giáo dục lao động hướng nghiệp cho trẻ em; chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông phải có điều kiện cần thiết về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Người phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường phải được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, yêu trẻ, được tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

Như vậy, theo các quy định của pháp luật, cha mẹ không có quyền bắt con cái bỏ học mà phải tạo điều kiện để con cái thực hiện quyền được học tập của mình. Suy nghĩ và hành động của bố Mai như thế là không đúng. Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm bảo đảm quyền được học tập của trẻ em.

*6. Thu (13 tuổi) là một cô bé xinh xắn, hát rất hay và múa rất khéo. Vì vậy, Thu thường được thầy cô và bạn bè cử đi tham gia các hoạt động văn nghệ của trường, của huyện. Tuy nhiên, bố mẹ của Thu không cho phép bạn tham gia những hoạt động văn nghệ đó vì cho rằng những hoạt động văn nghệ đó là vô bổ, sẽ làm ảnh hưởng đến việc học của Thu.*

*Xin hỏi: Việc ngăn cấm đó có xâm phạm đến quyền trẻ em của Thu không?*

**Trả lời:** Trẻ em là những mầm non đang lớn, cần phải được tạo điều kiện phát triển toàn diện. Hoạt động vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ sẽ giúp các em thoải mái, thư giãn và khiến cho trẻ phát triển toàn diện hơn.

Theo nội dung của Điều 32, Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em thì trẻ em có quyền được nghỉ ngơi, thư giãn, tham gia vui chơi, được giải trí và tự do tham gia sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi.

Pháp luật Việt Nam ghi nhận rằng trẻ em có quyền được vui chơi, giải trí lành mạnh, được hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi. (Điều 17, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004)

Đồng thời pháp luật cũng quy định gia đình phải có trách nhiệm tạo điều kiện để trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi.

Hành động của bố mẹ Thư như trên là chưa tôn trọng quyền được vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật của trẻ em. Bố mẹ cần tạo điều kiện để Thư tham gia các hoạt động này.

*7. Bé H bị lây nhiễm HIV từ mẹ ngay lúc mới chào đời. Khi bé lên 2 tuổi, gia đình đưa bé đi học ở mẫu giáo. Tuy nhiên, Ban Giám hiệu trường Mầm non đã từ chối tiếp nhận bé H vì lý do bé có thể làm lây nhiễm HIV cho người khác.*

*Hỏi: Hành vi nói trên có xâm phạm đến quyền trẻ em của bé H không? Pháp luật quy định như thế nào về hành vi cản trở quyền học tập của trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS?*

**Trả lời:** Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS đã phải chịu nhiều thiệt thòi hơn so với những trẻ em bình thường khác khi mang trên người căn bệnh thế kỷ. Các em cần được xã hội quan tâm nhiều hơn để vượt qua những khó khăn và mất mát của bản thân. Trong các văn bản pháp luật đã quy định, các em cũng có đầy đủ các quyền trẻ em như những trẻ em bình thường khác mà pháp luật ghi nhận.

Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm hành vi phân biệt, kỳ thị đối với trẻ em bị nhiễm HIV. **Điều 53, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định:** “*Trẻ em nhiễm HIV không bị phân biệt đối xử; được nhà nước và xã hội tạo điều kiện để chữa bệnh, nuôi dưỡng tại gia đình hoặc tại cơ sở trợ giúp trẻ em.*”

Việc từ chối tiếp nhận trẻ em bị nhiễm HIV đã xâm phạm đến quyền được học tập của các em. Theo quy định tại Điều 22, Nghị định 69/2001/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 8/8/2011 quy định xử phạt vi phạm hành chính về y tế dự phòng, môi trường y tế và phòng chống HIV/AIDS, thì hành vi cản trở quyền được học tập của trẻ em bị nhiễm HIV sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoặc từ chối tiếp nhận trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên vào học trong các cơ sở

giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân vì lý do người đó nhiễm HIV hoặc là thành viên trong gia đình có người nhiễm HIV;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kỷ luật, đuổi học sinh, sinh viên, học viên vì lý do người đó nhiễm HIV hoặc là thành viên trong gia đình có người nhiễm HIV;

Như vậy, trong trường hợp bé H nêu trên, tổ chức, đơn vị và cá nhân phải có trách nhiệm tiếp nhận trẻ bị nhiễm HIV vào cơ sở giáo dục theo luật định.

#### 8. Hành vi hiếp dâm trẻ em bị pháp luật xử lý như thế nào?

**Trả lời:** Hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ.

Hành vi hiếp dâm xâm phạm đến quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm của trẻ em và gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tâm lý của trẻ. Theo **Điều 112 Bộ Luật Hình Sự Việt Nam** thì hành vi hiếp dâm trẻ em sẽ bị xử lý như sau:

- Người nào hiếp dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm:

+ Có tính chất loạn luân;

+ Làm nạn nhân có thai;

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;

+ Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;

+ Tái phạm nguy hiểm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

+ Có tổ chức;

+ Nhiều người hiếp một người;

+ Phạm tội nhiều lần;

+ Đối với nhiều người;

- + Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên;
- + Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;
- + Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

- Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

*9. Những hành vi nào là hành vi lạm dụng sức lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại; làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động theo pháp luật Việt Nam?*

**Trả lời:** Theo Điều 9, Nghị định 71/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, quy định hành vi lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động bao gồm những hành vi sau:

- Cha, mẹ, người giám hộ, người nhận nuôi dưỡng trẻ em bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em hoặc bắt trẻ em làm những công việc mà pháp luật không cho phép.

- Người nhận dạy nghề cho trẻ em bắt trẻ em làm công việc quá sức, nặng nhọc, quá thời gian, trong môi trường độc hại, nguy hiểm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em.

- Sử dụng lao động trẻ em không trả công hoặc trả công không tương xứng, không có cam kết của cha, mẹ, người giám hộ, không có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật; bắt trẻ em lao động quá sức, quá thời gian, nặng nhọc, trong môi trường độc hại, nguy hiểm; sử dụng trẻ em làm những công việc trái với quy định của pháp luật về lao động.

- Sử dụng trẻ em làm những công việc trong vũ trường, cơ sở xoa bóp, vật lý trị liệu, sòng bạc, nhà hàng karaoke, quán rượu, quán bia hoặc những nơi có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em.

- Sử dụng trẻ em để mua, bán, vận chuyển hàng giả, hàng cấm, hàng trốn thuế.

- Để trẻ em tham gia, sử dụng trẻ em trong sản xuất, kinh doanh, phổ biến sản phẩm văn hóa, thông tin, truyền thông, đồ chơi, trò chơi, đồ dùng có nội dung bạo lực, đồi trụy, nguy hiểm, không phù hợp hoặc có hại cho sự phát triển của trẻ em.

*10. Mạnh là học sinh lớp 7. Thời gian gần đây, Mạnh thường xuyên tiếp xúc với những thanh niên có tiền án, tiền sự. Theo lời rủ rê của họ, Mạnh bỏ nhà đi lang thang. Thậm chí, các thanh niên đó còn xúi giục Mạnh đi trộm cắp, móc túi để lấy tiền cho họ chơi game và ăn uống.*

*Hỏi: Hành vi dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đi lang thang; lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi; dụ dỗ trẻ em vi phạm pháp luật sẽ bị pháp luật trừng trị như thế nào?*

**Trả lời:** Trẻ em là những người còn non nớt về nhận thức nên thường là dễ bị lôi kéo, dụ dỗ đi lang thang và làm những việc trái pháp luật. Hành vi lôi kéo trẻ em đi lang thang, lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi, để xâm hại đến quyền được chăm sóc, bảo vệ và được học tập của trẻ em. Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 nghiêm cấm hành vi dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đi lang thang; lợi dụng trẻ em đi lang thang để trục lợi. Tùy tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà người vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự, cụ thể:

#### **Xử lý hành chính:**

Theo Điều 10, Nghị định 91/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày ngày 17 tháng 10 năm 2011 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, hành vi dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc, khống chế trẻ em đi lang thang; lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi sẽ bị xử lý hành chính như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cha, mẹ, người giám hộ có hành vi bắt trẻ em đi lang thang kiếm sống.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Nói chuyện, viết, dịch, nhân bản, ghi âm, ghi hình sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, băng, đĩa hoặc hành vi khác nhằm dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc, khống chế trẻ em bỏ

nhà đi lang thang. Đồng thời buộc tiêu hủy sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, băng, đĩa nhằm dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc, khống chế trẻ em bỏ nhà đi lang thang

+ Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc, khống chế trẻ em đang sinh sống cùng với gia đình bỏ nhà đi lang thang.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tập hợp, chứa chấp trẻ em lang thang để bán vé số, sách, báo, tranh, ảnh, bán hàng rong hoặc các hoạt động khác nhằm mục đích trục lợi. Cá nhân, tổ chức phải nộp lại số tiền có được do thực hiện hành vi này.

### **Xử lý hình sự**

Điều 252 Bộ Luật Hình Sự quy định về tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên phạm pháp như sau:

- Người nào dụ dỗ, ép buộc người chưa thành niên hoạt động phạm tội, sống sa đọa hoặc chứa chấp người chưa thành niên phạm pháp, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

+ Có tổ chức;

+ Dụ dỗ, ép buộc, chứa chấp, lôi kéo nhiều người;

+ Đối với trẻ em dưới 13 tuổi;

+ Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;

+ Tái phạm nguy hiểm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.

Người phạm tội tái phạm nguy hiểm thì còn có thể bị phạt quản chế từ một năm đến năm năm.

*11. Bố mẹ Dũng rất quan tâm đến chuyện học hành của con. Vì vậy, ngoài những giờ học trên lớp, bố mẹ thường thuê gia sư để củng cố kiến thức cho Dũng. Nhưng Dũng không muốn học, em thường trốn học để đi lang thang ở những quán điện tử. Dũng thường oán trách bố mẹ vì bị bắt học quá nhiều.*

*Hỏi: Theo em, suy nghĩ của Dũng là đúng hay sai? Vì sao?*

**Trả lời:** Học tập vừa là quyền vừa là bổn phận của trẻ em. Trẻ em cần phải học tập để hoàn thiện sự hiểu biết của mình, hoàn thiện nhân cách và trở thành một người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì trẻ em có bổn phận phải chăm chỉ học tập.

Hiện nay, đất nước ta còn nghèo và còn rất nhiều bạn trẻ chưa có điều kiện để học tập đầy đủ, Dũng thực sự là một người may mắn khi được bố mẹ quan tâm, tạo điều kiện học tập và phát triển toàn diện. Dũng phải cảm ơn bố mẹ và cố gắng học tập tốt.

*12. Trách nhiệm của con đối với cha mẹ được pháp luật quy định như thế nào?*

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ và quyền của con, thì:

Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ, lắng nghe những lời khuyên bảo đúng đắn của cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

Nghiêm cấm con có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ.

Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ ốm đau, già yếu, tàn tật; trong trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

*13. Bố mẹ của em Khoa mất trong khi em mới 3 tuổi. Hiện nay, người thân của em chỉ còn ông bà nội.*

*Hỏi: Trong trường hợp này, ông bà nội có trách nhiệm nuôi dưỡng em Khoa không?*

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 47, Luật Hôn nhân và gia đình thì ông bà có nghĩa vụ và quyền đối với cháu như sau:

Ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu. Trong trường hợp cháu chưa thành niên hoặc cháu đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không còn cha mẹ,

anh chị em hoặc cha mẹ, anh chị em không đủ điều kiện để nuôi dưỡng thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

Trong trường hợp của em Khoa, vì em không còn cha mẹ và cũng không có anh chị em nên ông bà nội có trách nhiệm nuôi dưỡng em.

*14. Lâm rất thích đá bóng, thường được bố mẹ tạo điều kiện cho đi đá bóng vào thứ bảy và chủ nhật. Thứ bảy vừa rồi, Bà nội Lâm bị ốm, bố mẹ lại phải đi công tác xa nhà. Bố mẹ không cho Lâm đi đá bóng nữa và giao cho Lâm ở nhà chăm sóc bà. Lâm vùng vằng, giận dỗi rồi tranh thủ lúc bà đang ngủ trốn đi chơi. Xử sự của Lâm như vậy có đúng không?*

**Trả lời:** Ông bà là những người thân thiết, luôn lo lắng và yêu thương đến các cháu. Mặc dù tuổi già, sức yếu nhưng ông bà vẫn cố gắng dành cho con cháu của mình sự chăm sóc ân cần nhất. Chính vì vậy, các cháu phải có bổn phận yêu thương, biết ơn ông bà và có trách nhiệm chăm sóc ông bà lúc ốm đau, già yếu.

Luật Hôn nhân và Gia đình, Khoản 2, Điều 47 quy định rằng: “*Cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại.*”

Đối với Lâm, lúc bà bị ốm Lâm phải thể hiện sự yêu thương quý trọng bà bằng việc dành thật nhiều thời gian để chăm sóc bà. Xử sự của Lâm như vậy là không đúng với trách nhiệm của một người cháu đối với bà.

*15. Trước kia, nhà bác Lam không có con nên đã xin Mai vốn là trẻ mồ côi về làm con nuôi. Thời gian đầu, Mai được bố mẹ nuôi yêu quý và cưng chiều. Nhưng một vài năm sau, bác Lam sinh được một bé trai kháu khỉnh. Thế là bao nhiêu tình cảm bác đều dành cho con ruột của mình và coi Mai giống như một người giúp việc trong nhà. Mai tủi thân, nhưng vì cho rằng mình chỉ là phận con nuôi nên không dám đòi hỏi gì?*

*Hỏi: Con nuôi có thể bị đối xử bất bình đẳng so với con đẻ hay không?*

**Trả lời:** Điều 2 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 khẳng định rằng: “Việc nuôi con nuôi nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình.”

Đồng thời, Luật cũng nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi.



Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam thì con nuôi có vị trí ngang bằng với con đẻ, có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ giống như con đẻ. Vì vậy, đối với trường hợp của Mai, tuy là con nuôi nhưng Mai có quyền được đối xử bình đẳng giống như con đẻ. Gia đình Bác Lam có trách nhiệm thương yêu, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Mai; chăm lo việc học tập và giáo dục để Mai phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

## CHỦ ĐỀ 2

### QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Các nội dung chính của chủ đề : Thực hiện trật tự an toàn giao thông; Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng, chống nhiễm HIV/AIDS; Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

*1. Vào giờ đi làm buổi sáng một vụ tai nạn giao thông xảy ra ngay trên đường đến nơi làm việc. Một phụ nữ đi xe máy va phải một xe máy khác, tiếp theo bị hất thẳng vào chiếc ô tô đang chạy. Hậu quả chị phụ nữ bị bành trước xe ô tô chèn qua người, mất va xuống mặt đường, máu đổ.*

*Mấy chiếc ô tô chạy qua thấy cảnh đó nhưng đi thẳng, để mặc nạn nhân nằm trên đường trong khi người thanh niên chạy ra giúp bế nạn nhân lên và vẫy tay xin nhờ chở vào bệnh viện.*

*Hỏi: Việc không cứu giúp người bị nạn có phải là hành vi vi phạm pháp luật không ? Pháp luật quy định thế nào về trách nhiệm của người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn?*

**Trả lời:** Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 (sau đây gọi là luật Giao thông đường bộ) khi có tai nạn giao thông xảy ra, những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm bảo vệ hiện trường, giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn và báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

Khoản 2 Điều 38 Luật Giao thông đường bộ quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi xảy ra tai nạn giao thông như sau:

2. Những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

- a) Bảo vệ hiện trường;
- b) Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;
- c) Báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;
- d) Bảo vệ tài sản của người bị nạn;
- đ) Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Đồng thời, để kịp thời giúp đỡ nạn nhân, khoản 3, Điều 38 Luật Giao thông đường bộ đã quy định trách nhiệm của người điều khiển phương tiện khác như sau:

“Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu”.

Khi có điều kiện cứu giúp mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông là một trong những hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 18, Điều 8, Luật giao thông đường bộ.

Như vậy, việc những chiếc ô tô chạy qua hiện trường vụ tai nạn nhưng đi thẳng, để mặc nạn nhân nằm trên đường, trong khi người thanh niên chạy ra giúp bế nạn nhân lên và vẫy tay xin nhờ chở vào bệnh viện cho thấy, những người lái xe ô tô đã không thực hiện đúng trách nhiệm cứu giúp người bị nạn theo quy định của pháp luật.

Người có hành vi không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu cứu giúp có thể bị xử phạt theo quy định tại điểm đ, khoản 3 Điều 14 Nghị định 34/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*2. Tuấn 15 tuổi, học lớp 9. Cuối năm bài vở nhiều lại phải đi học thêm để chuẩn bị thi vào lớp 10 trung học phổ thông của tỉnh, Tuấn đòi mẹ mua cho xe máy để tiện việc đi lại học tập. Biết chuyện, bố Tuấn không đồng ý, ông nói tuổi của Tuấn chưa được phép sử dụng xe máy.*

*Hỏi: Bố Tuấn nói đúng hay sai? Độ tuổi nào được phép đi xe máy. Khi điều khiển xe máy trên đường cần mang theo các giấy tờ gì?*

**Trả lời:** Bố Tuấn nói đúng. Tuấn mới 15 tuổi, chưa đủ tuổi được phép sử dụng xe máy theo quy định của pháp luật.

Theo Luật Giao thông đường bộ, người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Khoản 1 Điều 60, Luật Giao thông đường bộ quy định về độ tuổi của người lái xe như sau:

a) Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm<sup>3</sup>;

b) Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm<sup>3</sup> trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;

Khi tham gia giao thông, người điều khiển xe máy phải mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy phép lái xe;
- Đăng ký mô tô, xe máy;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

*3. Trên đường đi học về, Lê và Hà chợt thấy một chiếc ô tô đang đổ phế liệu xây dựng xuống ven đường. Lê chạy lại đề nghị người lái xe không được đổ phế thải ra đường. Người lái xe sùng sộ nói: «Trẻ con biết gì. Đây không phải là trách nhiệm của chúng mày» và giơ tay định đánh Lê. Thấy vậy Hà kéo Lê bỏ đi.*

*Hãy nhận xét về việc làm của người lái xe và cách xử sự của Lê và Hà và cho biết mức xử phạt đối với hành vi trên của người lái xe theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm của cá nhân trong bảo vệ môi trường.*

**Trả lời:** Theo quy định của Hiến pháp năm 1992 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, bảo vệ môi trường là quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Điều 29 Hiến pháp năm 1992 quy định :

Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, mọi cá nhân phải thực hiện các quy định của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Nghiêm cấm mọi hành động làm suy kiệt tài nguyên và huỷ hoại môi trường.

Khoản 2, Điều 4, Luật Bảo vệ môi trường cũng quy định :

Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Hành vi đổ trộm chất thải xây dựng ra đường của lái xe đã vi phạm quy định về giữ vệ sinh môi trường vừa gây ô nhiễm môi trường vừa làm ảnh hưởng đến việc bảo đảm an toàn giao thông.

Việc Lê góp ý với người lái xe là đúng. Nếu lái xe không tiếp thu ý kiến Lê có thể thông báo để cơ quan và người có trách nhiệm xử lý.

Hà nên ủng hộ Lê, cùng Lê đấu tranh với hành vi đổ trộm chất thải xây dựng ra đường của lái xe.

Người có hành vi đổ trộm phế thải ra đường có thể bị xử phạt từ 5 triệu đồng đến 200 triệu đồng tùy theo khối lượng chất thải, theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Nghị định số 117/2009/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

*4. Gần đây có tình trạng một số cơ sở sản xuất trong quá trình hoạt động đã để xảy ra sự cố tràn nước thải, chất thải chưa xử lý ra ngoài môi trường, gây ra các hiện tượng như cá chết nổi hàng loạt, cây ăn trái không đậu quả, người dân mắc các bệnh về đường hô hấp... làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và sinh hoạt của người dân.*

*Hỏi: Pháp luật quy định thế nào về việc xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường?*

**Trả lời:** Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường. Nội dung cam kết bảo vệ môi trường phải có cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân cam kết bảo vệ môi trường có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường bị xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường quy định về hình thức xử lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường, cụ thể:

1. Các hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường được quy định như sau:

a) Phạt tiền và buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường;

b) Tạm thời đình chỉ hoạt động cho đến khi thực hiện xong biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết;

c) Xử lý bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Trường hợp có thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc gây ô nhiễm môi trường thì còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, còn bị xử lý bằng một trong các biện pháp sau đây:

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường;

b) Buộc di dời cơ sở đến vị trí xa khu dân cư và phù hợp với sức chịu tải của môi trường;

c) Cấm hoạt động.

*5. Tệ nạn xã hội là gì? Trong xã hội hiện đang tồn tại những tệ nạn nguy hiểm nào? Xin cho biết một số quy định của pháp luật về phòng, chống các tệ nạn xã hội?*

**Trả lời:** Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái, không đúng với chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, phá vỡ các quy chuẩn xã hội tiến bộ, văn minh lành mạnh, gây hậu quả xấu đối với đời sống gia đình và xã hội.

Các tệ nạn xã hội thường gặp là: đánh bạc, đua xe, ma túy, mại dâm, nghiện rượu, nghiện game và xem băng sex... Tệ nạn xã hội không chỉ gây hại cho bản thân người tham gia nó mà còn gây hại rất lớn cho gia đình, xã hội. Rất nhiều gia đình tan nát do có người thân dính phải các tệ nạn, và biết báo vụ án mạng đã xảy ra do những người mắc các tệ nạn xã hội gây ra.

Trong số các tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy là nguy hiểm nhất, là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con

người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

Ma túy là một loại chất kích thích, gây nghiện, được sử dụng bằng nhiều hình thức hút, chích, hít... Ma túy có một ma lực dẫn dụ ghê gớm, khiến người bị dính vào không thể cưỡng lại được. Nó có thể dẫn dụ tất cả các thành phần và không kể tuổi tác. Hơn thế nữa, ma túy còn là ngọn nguồn của những tệ nạn xã hội khác như trộm cắp, giết người, cướp của..., vì khi đã dính vào loại này nếu lên cơn nghiện mà không có tiền thì con nghiện sẽ làm bất cứ mọi việc miễn là có tiền để thỏa mãn nhu cầu.

Để phòng chống các tệ nạn xã hội Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật như Bộ luật hình sự năm 1999, Luật Phòng chống ma túy, Pháp lệnh Phòng chống mại dâm, Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự...

Theo Luật Phòng chống ma túy cá nhân, gia đình có trách nhiệm:

- Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy;

- Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh;

- Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác;

Nhà nước có chính sách khuyến khích việc tự nguyện cai nghiện ma túy; áp dụng chế độ cai nghiện đối với người nghiện ma túy. Các hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng được áp dụng đối với tất cả người nghiện ma túy.

Các hành vi trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy ; mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy ; sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người

khác sử dụng trái phép chất ma túy đều bị coi là tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự.

Để bảo vệ trẻ em trước tệ nạn xã hội, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định xử lý nghiêm minh đối với các hành vi :

- Dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; lôi kéo trẻ em đánh bạc; bán, cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất kích thích khác có hại cho sức khỏe

- Dụ dỗ, lừa dối, dẫn dắt, chứa chấp, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm; xâm hại tình dục trẻ em

- Lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc trẻ em mua, bán, sử dụng văn hóa phẩm kích động bạo lực, đồi trụy; làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, tàng trữ văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em; sản xuất, kinh doanh đồ chơi, trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em.

*6. Mỗi lần nhà hết gas cần thay bình gas mới, mẹ của H đều lựa chọn các thương hiệu gas có uy tín. Không những thế, khi nhân viên cửa hàng gas đến thay gas, mẹ của H đều kiểm tra tem niêm phong trên nắp bình gas còn hay không, yêu cầu thợ lắp đặt cẩn thận và giám sát liên tục từ đầu quá trình lắp đặt bình gas cho đến khi kết thúc quá trình lắp đặt. Mẹ của H lý giải nếu không cẩn thận, để xảy ra cháy nổ thì rất nguy hiểm. Xin hỏi, ý kiến của mẹ H có chính xác hay không? Mỗi công dân cần phải làm gì để góp phần phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?*

**Trả lời:** Gas, xăng dầu là một trong những chất dễ gây cháy nổ. Thời gian qua trên địa bàn cả nước xảy ra nhiều vụ việc cháy nổ liên quan đến gas gây ra những cái chết thương tâm và những di chứng nặng nề đối với các nạn nhân. Do vậy, việc làm của mẹ H là hoàn toàn cần thiết.

Tai nạn do nổ ga nói riêng và các tai nạn do vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đã gây tổn thất to lớn cả về người và tài sản cho cá nhân, gia đình và xã hội. Để hạn chế, loại trừ các tai nạn này, mỗi công dân cần phải:

- Tự giác tìm hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng, ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Tuyên truyền, vận động gia đình và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định trên.

- Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định trên.

### CHỦ ĐỀ 3

## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ VĂN HÓA, GIÁO DỤC VÀ KINH TẾ

Các nội dung chính của chủ đề: Quyền và nghĩa vụ học tập; Bảo vệ di sản văn hoá ; Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác; Nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản của nhà nước và lợi ích công cộng; Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế ; Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

*1. Tại sao nói học tập vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của công dân?*

**Trả lời:** Quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định trong Hiến pháp, pháp luật, được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Quyền là những gì mà công dân được hưởng và nghĩa vụ là những gì mà công dân phải thực hiện.

Trong khi khẳng định và xác định một hệ thống các quyền của công dân, Hiến pháp nước ta đồng thời cũng quy định các nghĩa vụ cơ bản của công dân. Trong mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, Nhà nước có trách nhiệm ghi nhận và tạo điều kiện để công dân thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời công dân cũng phải tự giác làm tròn bổn phận, nghĩa vụ đối với Nhà nước, xã hội. Quyền của công dân luôn là trách nhiệm của Nhà nước và quyền của Nhà nước cũng luôn là nghĩa vụ của công dân. Cùng với sự phát triển các mặt đời sống kinh tế, xã hội, số lượng quyền và các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền của công dân càng được mở rộng và đảm bảo tốt hơn thì công dân cũng phải thực hiện những nghĩa vụ tương ứng với quyền mà mình được hưởng. Một khi quyền tách rời nghĩa vụ sẽ dẫn đến con người chỉ đòi hỏi được hưởng và thực hiện quyền một cách ích kỷ, trốn tránh nghĩa vụ. Nhận thức đúng về mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ sẽ giúp công dân ý thức được quyền làm chủ của mình và trách nhiệm đối với cộng đồng, đất nước. Học tập vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của công dân được quy định



trong Hiến pháp năm 1992 (Điều 59) và Luật Giáo dục (Điều 10) theo nguyên tắc quyền không tách rời nghĩa vụ.

Công dân thực hiện quyền học tập của mình bằng nhiều hình thức (học ở hệ chính quy, hoặc giáo dục thường xuyên, học tập trung hoặc không tập trung, học trực tiếp hoặc gián tiếp...tùy thuộc vào điều kiện, công việc của mỗi người) và ở các loại hình trường lớp khác nhau (trường công lập, trường dân lập, trường tư thục). Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành; đề ra các chính sách, biện pháp để phát triển giáo dục.

Công dân thực hiện nghĩa vụ học tập bằng cách: mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập, cụ thể là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học (từ lớp 1 đến hết lớp 5) và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (từ lớp 6 đến hết lớp 9).

*2. Do nhà nghèo, lại đông con nên khi thấy con bé lớn học xong tiểu học, anh Du quyết định cho con nghỉ học để phụ giúp việc gia đình. Biết chuyện, bác Trường thôn đã sang động viên gia đình cố gắng cho con tiếp tục đi học để ít ra thì cũng hoàn thành phổ cập giáo dục. Anh Du thì cho rằng, con anh đã học xong tiểu học là hoàn thành phổ cập giáo dục.*

*Vậy hiện nay, Nhà nước ta quy định về phổ cập giáo dục như thế nào?*

**Trả lời:** Phổ cập giáo dục là quá trình tổ chức để mọi công dân đều được học tập và đạt tới một trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của Nhà nước. Hiện nay, Nhà nước ta thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tức là hết lớp 9). Nhà nước thực hiện các điều kiện để phổ cập giáo dục trong cả nước.

Điều 11 Luật Giáo dục quy định: mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập. Khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em cũng quy định: gia đình, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền

học tập; học hết chương trình giáo dục phổ cập; tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

Người có hành vi vi phạm quy định về phổ cập giáo dục có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng trong trường hợp cản trở việc đi học của người học các cấp học phổ cập hoặc bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trong trường hợp xúi giục người học các cấp học phổ cập không đi học hoặc bỏ học (*theo Điều 21 Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11/4/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 40/2011/NĐ-CP ngày 08/6/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11/4/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục*).

*3. Hành vi nào thì bị coi là cản trở việc học tập của trẻ em? Người có hành vi cản trở việc học tập của trẻ em sẽ bị xử lý như thế nào?*

**Trả lời:** Hiến pháp năm 1992; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật Giáo dục đều xác định học tập là quyền của công dân. Nhà nước nghiêm cấm hành vi cản trở việc học tập của trẻ em.

Điều 10 Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ quy định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định các hành vi sau được coi là cản trở việc học tập của trẻ em:

- Lợi dụng uy tín, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc sử dụng vật chất, uy quyền để dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học.

- Bắt buộc, dụ dỗ trẻ em bỏ học, nghỉ học để gây áp lực, khiếu kiện, biểu tình trái pháp luật.

- Cố tình không thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho việc học tập của trẻ em theo quy định của pháp luật, không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em.

- Hủy hoại sách, vở, đồ dùng học tập của trẻ em.

- Từ chối tiếp nhận hoặc gây áp lực để cản trở việc tiếp nhận trẻ em khuyết tật có khả năng học tập, trẻ em nhiễm, nghi nhiễm, có nguy cơ hoặc có cha, mẹ nhiễm HIV được vào học tại các cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

Người có hành vi cản trở việc học tập của trẻ em, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 91/2011/NĐ-CP ngày 17/10/2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo các mức sau:

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để ép buộc trẻ em phải bỏ học, nghỉ học;

+ Từ chối tiếp nhận, cản trở trẻ em bị nhiễm, nghi nhiễm, có nguy cơ bị nhiễm HIV/AIDS hoặc trẻ em có cha, mẹ bị nhiễm HIV/AIDS vào học tại các cơ sở giáo dục theo quy định;

+ Từ chối tiếp nhận trẻ em bị khuyết tật mà vẫn có đủ điều kiện vào học tại các cơ sở giáo dục theo quy định;

+ Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em bỏ học, nghỉ học;

+ Hủy hoại sách, vở, đồ dùng học tập của trẻ em;

+ Có điều kiện mà không bảo đảm điều kiện học tập cho trẻ em làm hạn chế quyền được học tập của trẻ em;

+ Cố tình không thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho việc học tập của trẻ em theo quy định của pháp luật, không đảm bảo thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bắt trẻ em bỏ học, nghỉ học để gây áp lực, khiếu kiện, biểu tình trái pháp luật;

Ngoài phạt tiền, người vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm đồng thời buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi của cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, giảng dạy đã bị phá hoại.

#### *4. Công dân có quyền và nghĩa vụ như thế nào đối với di sản văn hóa?*

**Trả lời:** Luật di sản văn hoá (Điều 14, 15 và 16) đã quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của công dân đối với di sản văn hóa, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- *Quyền và nghĩa vụ của công dân nói chung:*

+ Sở hữu hợp pháp di sản văn hóa;

+ Tham quan, nghiên cứu di sản văn hóa;

- + Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- + Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất;
- + Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hóa.
  - *Quyền và nghĩa vụ của công dân là chủ sở hữu di sản văn hóa:*
  - + Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân nói chung đối với di sản văn hóa;
  - + Thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp di sản văn hóa có nguy cơ bị làm sai lệch giá trị, bị hủy hoại, bị mất;
  - + Gửi sưu tập di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia vào bảo tàng nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp không đủ điều kiện và khả năng bảo vệ và phát huy giá trị;
  - + Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham quan, du lịch, nghiên cứu di sản văn hóa;
  - + Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
  - *Quyền và nghĩa vụ của công dân quản lý trực tiếp di sản văn hóa:*
  - Bảo vệ, giữ gìn di sản văn hóa;
  - Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại di sản văn hóa;
  - Thông báo kịp thời cho chủ sở hữu hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất khi di sản văn hóa bị mất hoặc có nguy cơ bị hủy hoại;
  - Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham quan, du lịch, nghiên cứu di sản văn hóa;
  - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. *Thấy vài bạn ở lớp có điện thoại đi động, Quân cũng rất muốn có một chiếc. Xin bố mẹ mua cho thì bố mẹ không đồng ý nên Quân nghĩ hay là bán chiếc xe đạp mà bố mẹ tặng năm trước khi Quân bắt đầu lên cấp II cũng được vài trăm ngàn, thêm tiền tiêu vặt bố mẹ cho hàng tháng mà Quân tiết kiệm được là mua được một*

*chiếc điện thoại vừa vừa rồi. Quân nghĩ, biết chuyện chắc bố mẹ sẽ mắng, nhưng chiếc xe bố mẹ đã tặng cho mình thì thuộc sở hữu của mình rồi, muốn làm gì với nó mà chẳng được.*

*Trong trường hợp trên, Quân có quyền bán chiếc xe đạp không?*

**Trả lời:** Theo quy định của Bộ luật dân sự, chủ sở hữu tài sản có quyền chiếm hữu (trực tiếp nắm giữ, quản lý tài sản), quyền sử dụng (khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản) và quyền định đoạt tài sản (chuyển giao quyền sở hữu tài sản hoặc từ bỏ quyền sở hữu đó). Khi thực hiện quyền sở hữu, chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình đối với tài sản nhưng không được gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định (Điều 44): con có quyền có tài sản riêng. Điều đó có nghĩa là con được tạo lập tài sản riêng của mình bằng tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và thu nhập hợp pháp khác. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của con, bởi ở độ tuổi này, con chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất, chưa có đủ kinh nghiệm để tham gia vào các giao dịch dân sự, do đó, cần có sự chỉ bảo của cha mẹ để tránh gây thiệt hại cho tài sản riêng của con nên Luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ quản lý tài sản riêng của con dưới mười lăm tuổi hoặc con mất năng lực hành vi dân sự (Điều 45); cha mẹ có quyền định đoạt tài sản riêng của con dưới mười lăm tuổi nhưng phải vì lợi ích của con (Điều 46). Mặt khác, Điều 20 của Bộ luật dân sự cũng quy định: người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.

Như vậy, trong trường hợp trên, Quân được bố mẹ tặng cho xe đạp thì Quân là chủ sở hữu và chiếc xe là tài sản riêng của Quân. Nhưng hiện tại Quân dưới 15 tuổi, do đó, tài sản riêng của Quân vẫn do bố mẹ quản lý. Quân cũng chưa đủ tuổi để tự mình tham gia vào quan hệ mua bán. Do đó, Quân không được quyền bán xe đạp.

*6. Chủ sở hữu tài sản có quyền thực hiện những biện pháp nào để bảo vệ quyền sở hữu của mình?*

**Trả lời:** Chủ sở hữu được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu của mình, không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái pháp luật quyền sở hữu đối với tài sản của chủ sở hữu. Bộ luật dân sự quy định cụ thể các biện pháp để chủ sở hữu bảo vệ quyền sở hữu của mình (Điều 255), đó là, chủ sở hữu có quyền tự bảo vệ tài sản thuộc sở hữu của mình bằng những biện pháp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Toà án, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Cụ thể:

**- Quyền đòi lại tài sản**

Chủ sở hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình phải trả lại tài sản đó. Đòi lại tài sản là một trong các biện pháp bảo vệ quyền của chủ sở hữu, tuy nhiên, trường hợp người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn mười năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản.

**- Quyền yêu cầu ngăn chặn hoặc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu tài sản**

Khi thực hiện quyền sở hữu tài sản của mình, chủ sở hữu có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó. Nếu người có hành vi cản trở trái pháp luật không tự nguyện chấm dứt thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu Toà án, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm.

**- Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại**

Chủ sở hữu có quyền yêu cầu người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của mình bồi thường thiệt hại trong trường hợp có thiệt hại xảy ra.

7. “Để có tiền thỏa cơn nghiện game online, Tiến và Công đã rủ nhau cắt trộm cáp điện thoại, lấy đồng bán cho hàng phế liệu. Chỉ đến lúc này, khi đã bị khởi tố về hành vi phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia, 2 cậu học sinh trung học mới ý thức được mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà chúng gây ra...”

*Đọc những dòng thông tin đó trên báo, Minh muốn biết cụ thể quy định pháp luật trong việc xử lý hành vi gây hư hại hoặc phá hủy các công trình công cộng, công trình an ninh, quốc gia.*

**Trả lời:** Điều 78 Hiến pháp nước ta đã quy định rõ: “Công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng”. Tài sản nhà nước và lợi ích công cộng là cơ sở vật chất của xã hội để phát triển kinh tế của đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tôn trọng và bảo vệ tài sản nhà nước, lợi ích công cộng là nhằm đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội, do đó, là điều kiện đảm bảo lợi ích của mỗi cá nhân công dân. Các công trình công cộng, công trình an ninh quốc gia là tài sản của Nhà nước, của tập thể. Chính vì thế, pháp luật nước ta quy định các hành vi gây hư hại hoặc phá hủy các công trình công cộng, công trình an ninh, quốc gia và tùy theo tính, chất, mức độ mà phải xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và quy định cụ thể hình thức, mức độ xử lý đối với hành vi đó.

- Xử phạt hành chính đối với hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự (Điều 19 Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội) như sau:

+ Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tự ý xê dịch, tháo dỡ, phá hủy hoặc làm bất cứ việc gì khác gây hư hại đến các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển hiệu của cơ quan, tổ chức.

+ Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tự ý xê dịch, tháo dỡ cột dây điện thoại, điện tín, cột đèn, hàng rào của các cơ quan nhà nước hoặc các công trình công cộng khác.

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình an ninh, trật tự.

Ngoài bị phạt tiền, người vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự đã bị hư hại do hành vi vi phạm gây ra.

- Xử lý bằng biện pháp hình sự đối với người có hành vi phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 231 Bộ luật hình sự) như sau:

+ Người nào phá huỷ công trình hoặc phương tiện giao thông vận tải, thông tin - liên lạc, công trình điện, dẫn chất đốt, công trình thuỷ lợi hoặc công trình quan trọng khác về an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá và xã hội, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 85 của Bộ luật hình sự (Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm.

+ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: có tổ chức; gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng hoặc tái phạm nguy hiểm thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

+ Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế từ một năm đến năm năm.

*8. Cô Hạnh làm đơn xin thành lập doanh nghiệp nhưng không được cấp phép vì cơ quan chức năng cho biết: hiện cô đang là công chức nhà nước. Từng rất ngạc nhiên vì khi học môn giáo dục công dân em được biết công dân có quyền tự do kinh doanh, vậy tại sao cô Hạnh lại không được cấp giấy phép là chủ doanh nghiệp?*

*Từng băn khoăn về điều này và mong được giải thích.*

**Trả lời:** Điều 57 Hiến pháp năm 1992 nêu rõ: “Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật”. Quy định này của Hiến pháp đã khẳng định vai trò làm chủ của công dân ở lĩnh vực kinh tế với tư cách là những chủ thể độc lập, có quyền tự do sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện lợi ích của cá nhân công dân đồng thời vì sự phát triển của cộng đồng, của đất nước.

Khi quy định quyền tự do kinh doanh của công dân, Hiến pháp cũng quy định công dân phải tuân theo pháp luật, chịu sự quản lý của Nhà nước. Ví dụ: khi cá nhân công dân ở một vị trí nhất định thì có thể bị hạn chế một số quyền tự do kinh doanh hoặc có một số ngành nghề, lĩnh vực do tính chất đặc biệt của nó mà khi kinh doanh, công dân phải đáp ứng những điều kiện cụ thể. Pháp luật quy định chặt chẽ vấn đề này nhằm đảm bảo lợi ích chung của toàn xã hội.

Những người đang công tác tại các cơ quan nhà nước không được cấp phép thành lập doanh nghiệp và đứng tên là chủ doanh nghiệp vì: Do vị trí và điều kiện công tác của mình, công chức – ”người của nhà nước” có thể có những “lợi thế” hơn những người khác. Như vậy, họ sẽ có nguy cơ sử dụng những lợi thế này để tiêu cực, tham nhũng; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho cá nhân và gia



đình ... Chính vì vậy, pháp luật đã quy định rõ những điều công chức không được làm, trong đó có việc công chức không được ”thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” (điểm b khoản 1 Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng; Điều 20 Luật cán bộ, công chức; điểm b khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp). Cô Hạnh không được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp khi cô đang là công chức. Ngoài vị trí đó ra, cô Hạnh vẫn có thể tham gia doanh nghiệp ở vai trò khác, ở công việc chuyên môn khác nếu phù hợp và vẫn có quyền tự do kinh doanh nếu không vi phạm vào những điều mà công chức không được làm theo quy định của pháp luật.

*9. Đóng thuế là nghĩa vụ của công dân, vậy theo quy định của pháp luật cá nhân hoặc doanh nghiệp có hành vi trốn thuế có bị xử lý không?*

**Trả lời:** “Công dân có nghĩa vụ đóng thuế”, đây là nghĩa vụ được quy định tại Điều 80 của Hiến pháp và được cụ thể hóa trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Trong mọi chế độ xã hội, công dân đều có nghĩa vụ đóng thuế. Thuế là nguồn để bảo đảm hoạt động quản lý của bộ máy Nhà nước, là nguồn để phát triển sản xuất, là nguồn để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, đảm bảo hoạt động của xã hội trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục, y tế... Đây là một quan hệ khách quan giữa công dân với nhà nước nhằm duy trì sự tồn tại, hoạt động chung và phát triển của xã hội. Thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật là một phẩm chất văn minh của công dân.

Đối với hành vi trốn thuế, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân hoặc tổ chức có hành vi trốn thuế sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Luật Quản lý thuế, Bộ luật hình sự ; Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

*10. Pháp luật lao động nước ta quy định về độ tuổi lao động như thế nào? Người lao động phải đáp ứng những điều kiện nào để tham gia vào quan hệ lao động?*

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động: “Người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động và có giao kết hợp đồng lao động”. Cũng theo quy định tại Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, độ tuổi về hưu trong điều kiện bình thường của lao động nữ là 55 tuổi và của lao động nam là 60 tuổi. Như vậy, độ tuổi của người lao động theo quy định của pháp luật lao động là từ đủ 15 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ và đến 60 tuổi đối với nam.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật, trong điều kiện bình thường, để tham gia vào quan hệ lao động, người lao động phải đảm bảo những điều kiện sau:

- Độ tuổi lao động: từ đủ 15 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ; từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi đối với nam.

- Có khả năng lao động thể hiện qua các yếu tố như: thể lực bình thường, tâm sinh lý ổn định, có thể hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

- Không bị pháp luật cấm tham gia các quan hệ lao động do những hành vi vi phạm pháp luật trước đó.

Với những người lao động đảm bảo các điều kiện trên đây, khi tham gia vào quan hệ lao động sẽ được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật lao động (như quyền được hưởng lương, được đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, nghĩa vụ tuân thủ kỷ luật lao động...).

## **CHỦ ĐỀ 4**

### **CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN**

Chủ đề này tập trung vào các nội dung: Quyền được pháp luật bảo vệ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín; Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo; Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân; Quyền tự do ngôn luận.

*1. Các em học sinh lớp 6 tranh luận với nhau rằng: Trong mọi trường hợp, công an đều có thể bắt người nếu nghi là phạm tội? Điều này đúng hay sai? Vì sao?*

**Trả lời:** Đối với mỗi công dân, quyền bất khả xâm phạm về thân thể là quyền quan trọng nhất, được ghi nhận tại Điều 71 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001):

*“Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về*

*tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.*

*Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.*

*Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân”.*

Như vậy, không phải trong mọi trường hợp, công an đều có quyền bắt người, vì chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp mà pháp luật quy định mới có quyền bắt người.

Để không ai bị bắt một cách trái pháp luật, Hiến pháp quy định rõ và chặt chẽ việc bắt và giam người. Việc bắt và giam người không được tiến hành tùy tiện mà phải theo đúng quy định của pháp luật. Trừ trường hợp phạm tội quả tang, việc bắt người phải có quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân. Đối với những người bị bắt hay bị giam, nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của họ. Bắt giam người vô tội được coi là xâm phạm nghiêm trọng đến tự do thân thể của công dân và bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

*2. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm bao gồm những nội dung nào? Những quy định pháp luật khác nhau về quyền này?*

**Trả lời:** Tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là những giá trị quý giá nhất của con người. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là quyền cơ bản của công dân, quyền đó gắn liền với mỗi con người và là quyền quan trọng nhất, đáng quý nhất của mỗi công dân. Do vậy, vấn đề an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể con người luôn được pháp luật quan tâm, quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau:

- Hiến pháp – văn bản pháp lý có giá trị cao nhất quy định tại Điều 61: “*Công dân có quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe*” và Điều 71 “*“Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.*

*Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.*

*Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân”.*

- Ở góc độ quyền nhân thân của cá nhân, Bộ luật Dân sự quy định việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể con người theo quan hệ dân sự. Điều 32 Bộ luật dân sự có quy định về quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể, theo đó: *“Cá nhân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể”.*

- Bộ luật hình sự dành hẳn Chương XII quy định các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người và Chương XIII quy định các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân với nhiều tội danh khác nhau như: tội giết người (Điều 93); tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104); tội hành hạ người khác (Điều 110); tội làm nhục người khác (Điều 121); tội vu khống (Điều 122)...

- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định tại Điều 80 về việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam: *“...Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã (phường, thị trấn...) và người láng giềng của người bị bắt chứng kiến...Khi tiến hành bắt người tại nơi khác, phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã (phường, thị trấn...) nơi tiến hành bắt người”* hay tại Điều 84 về biên bản về việc bắt người: *“Người thi hành lệnh bắt người trong mọi trường hợp đều phải lập biên bản...”*...

Nội dung của quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm bao gồm:

- Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai được xâm phạm tới thân thể người khác. Việc bắt người phải theo đúng quy định của pháp luật.

- Công dân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Điều đó có nghĩa là mọi người phải tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.

Mọi việc làm xâm hại đến tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác đều bị pháp luật trừng phạt nghiêm khắc.

*3. Khái niệm danh dự, nhân phẩm của một cá nhân được hiểu như thế nào?*

*Trong trường hợp danh dự, nhân phẩm của cá nhân bị xâm phạm thì người bị xâm phạm có quyền gì để bảo vệ danh dự, nhân phẩm cho bản thân? Người có hành vi xâm phạm sẽ bị xử lý như thế nào?*

**Trả lời:** Danh dự, nhân phẩm của cá nhân thể hiện cái “tôi” của người đó, là giá trị tinh thần, giá trị đạo đức của mỗi người trong con mắt của những người xung quanh, của cộng đồng:

- Danh dự của cá nhân thể hiện sự coi trọng của dư luận xã hội đối với cá nhân đó;

- Nhân phẩm của cá nhân là những phẩm chất, giá trị tốt đẹp của một người.

Hai yếu tố này thể hiện những giá trị tinh thần của cá nhân thông qua các mối quan hệ xã hội. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của một người trước hết phải do chính họ tu dưỡng, rèn luyện và giữ gìn. Mọi người có trách nhiệm tôn trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác. Pháp luật quy định cá nhân có quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm tại Hiến pháp và nhiều văn bản pháp luật khác. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại, hạ thấp, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân

Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm là quyền nhân thân của cá nhân. Khi các quyền này bị xâm phạm thì cá nhân bị xâm phạm có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai; yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm bồi thường thiệt hại. Đồng thời, pháp luật cũng quy định, ngoài biện pháp dân sự để bảo vệ quyền nhân thân, người có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính (phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền).

Ví dụ, người có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Đối với người có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo khi đang hoạt động nghiệp vụ đúng pháp luật thì bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 02/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản...

Trường hợp người có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác mà tính chất và mức độ của hành vi được xác định là nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người (từ Điều 110 đến Điều 122) như tội hành hạ người khác (Điều 110); tội làm nhục người khác (Điều 121); tội vu khống (Điều 122)...

*4. Do chỉ có hai con gái nên anh rể của N dù đã có vợ con đang hoàng, vẫn ngang nhiên qua lại, cặp bồ và chung sống với chị M làm nghề gội đầu cắt tóc với mong muốn có thêm một đứa con trai. Do uất ức về việc làm trái pháp luật của anh rể, thương chị gái và các cháu mình, em N đã rủ bạn bè chặn đường chửi bới, xúc phạm, đánh và cắt tóc chị M. Xin hỏi việc làm của N có vi phạm pháp luật hay không?*

**Trả lời:** Điều 71 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định:

*“Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.*

*Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.*

*Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân”.*

Như vậy, tính mạng và sức khỏe của con người được bảo đảm an toàn, không ai có quyền xâm phạm tới. Mọi hành vi xâm phạm đến thân thể, danh dự và nhân phẩm của công dân vừa trái với đạo đức xã hội, vừa vi phạm pháp luật và phải bị xử lý theo pháp luật.

Do vậy, cho dù uất ức vì việc làm trái pháp luật của anh rể, song em N không có quyền được dùng “*luật rừng*” để trả thù bằng cách đó. Hành động của N đã xâm

phạm nghiêm trọng đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác, có thể bị xử lý theo pháp luật hành chính hay luật hình sự tùy theo mức độ vi phạm.

5. *Khi bố mẹ đi vắng, em K – 14 tuổi đang ở nhà một mình học bài, bỗng nhiên có một người lạ gõ cửa muốn vào nhà với lý do để kiểm tra đường dây truyền hình cáp của toàn khu vực. Em K phân vân không muốn cho vào, nên không mở cửa. Xin hỏi việc làm của K đúng hay sai? Tại sao?*

**Trả lời:** Mọi công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Điều 73 Hiến pháp năm 1992 quy định “*Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép*”.

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, có nghĩa là công dân có quyền được các cơ quan nhà nước và mọi người tôn trọng chỗ ở, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý. Chỉ trong trường hợp pháp luật cho phép và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khám xét chỗ ở của một người. Trong trường hợp này thì việc khám xét cũng không được tiến hành tùy tiện mà phải tuân theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Mỗi chúng ta phải biết tôn trọng chỗ ở của người khác, đồng thời phải biết tự bảo vệ chỗ ở của mình và phê phán, tố cáo người làm trái pháp luật xâm phạm đến chỗ ở của người khác.

Như vậy, trong trường hợp này, K có quyền không mở cửa cho người lạ vào khi bố mẹ vắng nhà.

6. *Em Nguyễn Văn B - học sinh lớp 8 hỏi: “Trường hợp nào pháp luật cho phép người thi hành nhiệm vụ được khám xét chỗ ở của công dân?”.*

**Trả lời:** Chỗ ở công dân là bất khả xâm phạm, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

Như vậy, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân không phải là quyền tuyệt đối. Nhà nước chỉ bảo hộ quyền đó của công dân khi có sự xâm hại bất hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác. Trong trường hợp cá nhân sử dụng chỗ ở để vi phạm pháp luật, che giấu tội phạm hoặc cất giấu công cụ, tang vật, phương tiện

phạm tội... thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền tiến hành khám xét chỗ ở của họ.

Việc khám xét chỗ ở của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 115 Bộ luật Tố tụng hình sự, pháp luật hiện hành chỉ cho phép khám xét chỗ ở trong 2 trường hợp:

- Theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính: Chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng nơi đó có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Theo thủ tục tố tụng hình sự: Chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định chỗ ở của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án hoặc khi cần phát hiện người đang bị truy nã.

Việc khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm được quy định rõ ràng tại Điều 141 và 143 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

Khi khám chỗ ở, địa điểm phải có mặt người chủ hoặc người đã thành niên trong gia đình họ, có đại diện của chính quyền xã, phường, thị trấn và người láng giềng chứng kiến; trong trường hợp đương sự và người trong gia đình họ cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc đi vắng lâu ngày mà việc khám xét không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền và hai người láng giềng chứng kiến.

Việc tiến hành khám xét chỗ ở của một người không được thực hiện vào ban đêm trừ trường hợp có những lý do không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

*7. Thoa học cùng lớp và chơi thân với Tuyết. Biết Tuyết đang mong thư của bố ở Trường Sa gửi về, nên sáng thứ 2, khi có thư của bố Tuyết gửi đến mà Tuyết lại nghỉ học, Thoa quyết định bóc xem nội dung thư như thế nào? Việc làm đó đúng hay sai? Tại sao?*

**Trả lời:** Mọi công dân có quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. Đây là một trong những quyền cơ bản của công dân và được quy định tại Điều 73 Hiến pháp năm 1992:

*“...Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.*

*Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật”.*



Như vậy, quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân có nghĩa là không ai được chiếm đoạt hoặc tự ý mở thư tín, điện tín của người khác; không được nghe trộm điện thoại. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín thuộc loại quyền về bí mật đời tư của cá nhân, được các cơ quan nhà nước và mọi người tôn trọng, được pháp luật bảo vệ. Chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp cần thiết mới được tiến hành kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của người khác. Người nào tự tiện bóc, mở thư, tiêu hủy thư, điện tín của người khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Do vậy, Thoa không được phép bóc xem thư của Tuyết. Việc làm đó là sai.

*8. Chị gái tôi ra trường đi làm và yêu anh C là người làm cùng cơ quan. Tuy nhiên, tình yêu của anh chị bị bố mẹ tôi phản đối kịch liệt, bởi lý do anh C là người ở quê xa, không có nhà ở Hà nội. Do vậy, bố mẹ tôi thường xuyên nghe lén các cuộc điện thoại của chị tôi. Xin hỏi việc làm của bố mẹ tôi có sai trái về mặt pháp luật hay không? Việc vi phạm các bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác có bị xử phạt về mặt hình sự hay không?*

**Trả lời:** Hành vi của bố mẹ bạn đã vi phạm các quy định pháp luật về bí mật thư tín và an toàn thư tín, điện thoại, điện tín. Mỗi cá nhân có những thông tin, tài liệu riêng tư mà không muốn chia sẻ với người nào (kể cả người đó là thân thích, ruột thịt) đó được gọi là bí mật đời tư của cá nhân. Cá nhân có quyền về bí mật đời tư của mình, quyền này được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ.

Điều 73 Hiến pháp năm 1992 khẳng định “...*Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật*”. Đồng thời, Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “*Quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ*”.

Quyền bí mật đời tư của cá nhân là một trong những đối tượng của quyền nhân thân, trong đó, thư tín, điện thoại, điện tín là những phương tiện thông tin chứa đựng nhiều thông tin thuộc bí mật đời tư. Do vậy, thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức thông tin điện tử khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân phải được người đó đồng

ý; trong trường hợp người đó đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, chưa đủ 15 tuổi thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc người đại diện của người đó đồng ý (trừ trường hợp thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Việc thu giữ, bóc, mở, đọc, nghe thư tín, điện tín, điện thoại của công dân là hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*9. Giờ ra chơi giữa hai tiết học, Ngọc và Nam tranh luận với nhau về môn Giáo dục công dân vừa học. Ngọc cho rằng tất cả mọi người phải đi theo một tôn giáo nào đó, song Nam lại có ý kiến trái ngược lại khi nói một người có thể không theo một tôn giáo nào cũng được. Đó mới là nội dung của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Xin hỏi ý kiến nào đúng? Tại sao?*

**Trả lời:** Điều 70 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định:

*“Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.*

Tín ngưỡng là lòng tin vào một cái gì đó thần bí như thần linh, thượng đế, chúa trời. Còn tôn giáo là một hình thức tín ngưỡng có hệ thống tổ chức, với những quan niệm, giáo lí thể hiện rõ sự tín ngưỡng, sùng bái thần linh và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo có nghĩa là công dân có quyền theo hoặc không theo một tín ngưỡng hay tôn giáo nào; người đã theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào đó có quyền thôi không theo nữa, hoặc bỏ để theo tín ngưỡng, tôn giáo khác mà không ai được cưỡng bức hoặc cản trở. Như vậy ý kiến của Nam cho rằng một người có thể không theo một tôn giáo nào là ý kiến đúng, vì đó chính là nội dung của quyền tự do tín ngưỡng.

*10. Cứ vào ngày mùng một và ngày rằm hàng tháng mẹ Hà lại thắp hương khấn vái ông bà tổ tiên. Hơn thế nữa, hàng tháng mẹ và mấy cô bạn cùng cơ quan lại rủ nhau đi lễ chùa. Thấy vậy, bố Hà cho rằng việc làm của mẹ Hà là mê tín dị*

*đoan và ngăn cản không cho mẹ Hà đi chùa. Em có đồng ý với ý kiến của bố Hà không?*

**Trả lời:** Việc làm của mẹ Hà là thể hiện sự tín ngưỡng chứ không phải mê tín dị đoan. Tín ngưỡng là lòng tin vào một cái gì đó thần bí như thần linh, thượng đế, chúa trời. Còn mê tín dị đoan là tin vào những điều mơ hồ, nhắm nhí, không phù hợp với lẽ tự nhiên (như tin vào bói toán, chữa bệnh bằng phù phép...) dẫn đến hậu quả xấu cho cá nhân, gia đình và cộng đồng về sức khỏe, thời gian, tài sản và có thể cả tính mạng con người. Vì vậy phải đấu tranh chống mê tín dị đoan.

Pháp luật quy định mọi công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Mỗi chúng ta phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác. Do vậy, hành vi của bố Hà là vi phạm các quy định pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

*11. Có ý kiến cho rằng: “Chỉ có người từ đủ 18 tuổi trở lên mới có quyền khiếu nại, tố cáo. Khi đó việc tố cáo, khiếu nại mới được giải quyết”. Xin hỏi quan điểm đó đúng hay sai? Tại sao?*

**Trả lời:** Khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận. Điều 74 Hiến pháp 1992 quy định:

*“Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những hành vi trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế xã hội hoặc bất cứ cá nhân nào.*

*Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan nhà nước xem xét và giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định.*

*Mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân phải được kịp thời xử lý nghiêm minh. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất và phục hồi danh dự.*

*Nghiêm cấm trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác”.*

Khoản 2 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: *“Người khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện quyền khiếu nại”.*

Khoản 4 Điều 2 Luật Tố cáo năm 2011 quy định: *“Người tố cáo là công dân thực hiện quyền tố cáo”.*

Như vậy, pháp luật không quy định độ tuổi mà tất cả mọi công dân đều có quyền khiếu nại, tố cáo.

*12. Có ý kiến cho rằng, để tránh cho người bị tố cáo biết việc làm của mình, người tố cáo có thể tố cáo qua E-mail hoặc gọi điện thoại đến nơi cần tố cáo. Xin hỏi ý kiến đó đúng hay sai? Tại sao?*

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 19 Luật Tố cáo năm 2011 về hình thức tố cáo

- Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn tố cáo hoặc tố cáo trực tiếp.

- Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo; nội dung tố cáo. Đơn tố cáo phải do người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của từng người tố cáo, có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tố cáo; họ, tên người đại diện cho những người tố cáo để phối hợp khi có yêu cầu của người giải quyết tố cáo.

- Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc người tiếp nhận ghi lại việc tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định nêu trên. Trường hợp nhiều người đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện để trình bày nội dung tố cáo.

Như vậy, người tố cáo không thể tố cáo bằng hình thức E-mail hay gọi điện thoại đến nơi cần tố cáo. Việc pháp luật quy định phải tố cáo bằng đơn tố cáo hoặc tố cáo trực tiếp xác định trách nhiệm của người tố cáo và tránh những tố cáo nặc danh, những tố cáo không đúng gây phiền hà cho cơ quan có trách nhiệm giải quyết tố cáo. Để bảo vệ người tố cáo, pháp luật cũng quy định nghiêm cấm trả thù người khiếu nại, tố cáo tại Điều 74 Hiến pháp năm 1992.

*13. Có ý kiến cho rằng: “Quyền tự do ngôn luận là quyền tuyệt đối của công dân, không cần tuân theo pháp luật”. Điều này đúng hay sai?*

**Trả lời:** Tự do ngôn luận hoặc tự do phát biểu, bao gồm quyền phát biểu và phổ biến ý kiến của mỗi công dân, là một trong những nhân quyền cơ bản được qui định trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Quyền tự do ngôn luận cho phép mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp vào.

Điều 69 Hiến pháp năm 1992 quy định:

*“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin...theo quy định của pháp luật”.*

Như vậy, quyền tự do ngôn luận là quyền của công dân được tham gia bàn bạc, thảo luận, đóng góp ý kiến vào những vấn đề chung của đất nước, xã hội. Tuy nhiên, quyền tự do ngôn luận không phải là quyền tuyệt đối. Việc sử dụng quyền tự do ngôn luận phải tuân theo quy định của pháp luật. Đây là việc làm cần thiết để bảo đảm quyền tự do ngôn luận theo đúng nghĩa đích thực, trong khuôn khổ pháp luật, không để quyền tự do ngôn luận bị lợi dụng. Đó là việc làm vì lợi ích của quốc gia dân tộc, của nhân dân ở một đất nước độc lập, có chủ quyền để phát huy tính tích cực và quyền làm chủ của công dân, góp phần xây dựng nhà nước, quản lý xã hội.

Hành vi lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 258 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

## **CHỦ ĐỀ 5**

### **NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM QUYỀN, NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI**

Chủ đề tập trung vào các nội dung: Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân; Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

*1. Những ai là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc xác định công dân một nước dựa vào yếu tố nào? Các giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam?*

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 49 Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Công dân Việt Nam được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm các quyền công dân và phải làm tròn các nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 cũng khẳng định: Người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam. Quốc tịch là căn cứ để xác định một người là công dân của một nước.

Điều 4 của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định :

“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”.

Một trong các giấy tờ sau đây có giá trị chứng minh người có quốc tịch Việt Nam:

1. Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ;

2. Giấy chứng minh nhân dân;

3. Hộ chiếu Việt Nam;

4. Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

*2. Trong lần theo mẹ đến thăm trại trẻ mồ côi, Hoa gặp một em bé da trắng, tóc vàng hoe, mắt xanh biếc. Hỏi các cô nuôi dạy trẻ Hoa được biết đây là một em bé con lai bị mẹ bỏ rơi từ lúc mới sinh, do người qua đường nhặt được đưa vào đây nuôi dưỡng. Hoa băn khoăn không biết em bé có được coi là công dân Việt Nam không?*

**Trả lời:** Khoản 1, Điều 18 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 về Quốc tịch của trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam quy định: Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ

là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

Như vậy, mặc dù là con lai bị bỏ rơi nhưng được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam nên em bé đó có quốc tịch Việt Nam và vì thế em là công dân Việt Nam.

*3. Na là trẻ bị bỏ rơi, không rõ cha mẹ là ai. Na được đưa vào nuôi dưỡng trong Trung tâm bảo trợ xã hội từ khi mới sinh. Năm lên 3 tuổi, Na được một cặp vợ chồng người Pháp nhận làm con nuôi. Na có còn là công dân Việt Nam không?*

**Trả lời:** Theo quy định tại Khoản 1, Điều 18 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 về quốc tịch của trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam, thì Na có quốc tịch Việt Nam và là công dân Việt Nam. Trong trường hợp Na được người nước ngoài nhận làm con nuôi từ năm 3 tuổi thì Na vẫn được giữ quốc tịch Việt Nam.

Khoản 1, Điều 37 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 về quốc tịch của con nuôi chưa thành niên quy định : Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam.

Vì vậy, Na vẫn là công dân Việt Nam.

*4. Hỏi cho rằng Hiến pháp và Luật là giống nhau vì đều do Quốc hội ban hành. Liệu ý kiến trên có đúng không?*

**Trả lời:** Hiến pháp và Luật đều do Quốc hội ban hành, tuy nhiên, hai loại văn bản pháp luật này có sự khác biệt với nhau, cụ thể như sau:

- Về nội dung:

Hiến pháp là luật cơ bản của nhà nước, quy định những vấn đề nền tảng, những nguyên tắc mang tính định hướng của đường lối xây dựng, phát triển đất nước: chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chính sách văn hóa - xã hội, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức bộ máy nhà nước.

Luật cụ thể hóa những quy định cơ bản của Hiến pháp trong những lĩnh vực cụ thể của đất nước thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền và nghĩa vụ của công dân.

- Về trình tự, thủ tục ban hành:

Hiến pháp là văn bản pháp lý quan trọng nhất của nhà nước nên phải theo một

quy trình xây dựng, sửa đổi đặc biệt, chặt chẽ. Chỉ Quốc hội mới có quyền sửa đổi Hiến pháp. Việc sửa đổi Hiến pháp phải được ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Trình tự thủ tục ban hành, sửa đổi Luật không chặt chẽ như thủ tục sửa đổi Hiến pháp. Luật được ban hành khi được quá nửa tổng số đại biểu quốc hội biểu quyết tán thành.

- Về hiệu lực:

Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất, mọi văn bản khác phải phù hợp với Hiến pháp.

Luật có hiệu lực pháp lý thấp hơn Hiến pháp và phải phù hợp với Hiến pháp.

*5. Tổ dân phố nơi Nghĩ sinh sống vừa mới đề ra nội quy của tổ dân phố, đồng thời yêu cầu mọi người dân trong tổ phải nghiêm chỉnh chấp hành nội quy. Nghĩ thắc mắc không biết nội quy của tổ dân phố có phải là pháp luật không?*

**Trả lời:** Pháp luật có các đặc điểm cơ bản là:

- Pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Pháp luật là những quy tắc xử sự chung áp dụng đối với mọi người trong xã hội;
- Pháp luật được quy định cụ thể, rõ ràng, thể hiện thành từng điều luật trong các văn bản pháp luật;
- Pháp luật có hiệu lực bắt buộc chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước;

Nội quy tổ dân phố không phải là pháp luật vì:

- Nội quy tổ dân phố không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Tổ dân phố không phải là cơ quan nhà nước và không có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật;
- Nội quy tổ dân phố được bảo đảm thực hiện bằng ý thức và sự tự giác của mỗi người dân trong khu phố chứ không phải bằng quyền lực và sự cưỡng chế của nhà nước.

*6. Ninh năm nay 15 tuổi là học sinh lớp 11. Sáng hôm đó ngủ dậy muộn em đã lấy xe máy của bố để đi học. Trên đường đến trường do vội, Ninh đã vượt đèn đỏ khi qua ngã tư, Ninh bị cảnh sát giao thông giữ lại kiểm tra giấy tờ. Ninh bị xử phạt*



*cảnh cáo và phạt tiền, do chưa đủ tuổi sử dụng xe máy, không có giấy phép lái xe. Ninh rất âm ỉc, em cho rằng mình chưa đến tuổi chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.*

*Theo bạn, Ninh có vi phạm pháp luật không? Cảnh sát giao thông xử phạt đối với Ninh có đúng pháp luật không? Pháp luật quy định thế nào về tuổi chịu trách nhiệm hành chính?*

**Trả lời:** Ninh đã có những hành vi vi phạm pháp luật như:

- Sử dụng xe máy khi chưa đủ tuổi, không có giấy phép lái xe.
- Không chấp hành quy định về tín hiệu giao thông khi qua ngã tư. Cụ thể là vượt đèn đỏ.

Việc cảnh sát giao thông xử phạt đối với Ninh là đúng. Theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính thì:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý;
- Người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

*7. Mới hơn 8 giờ sáng, địa điểm khám tuyển nghĩa vụ quân sự đợt 2/2011 của xã HT rất đông thanh niên. Ngồi chờ bên ngoài, Vũ nói chuyện với Ân: “Khám thì khám thôi, nhưng mình không phải đi đâu. Đi nghĩa vụ khổ lắm. Bố mình “chạy” hết rồi. Năm ngoái cũng vậy”. Ân ngạc nhiên: “Sao cậu lại làm thế. Tham gia nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân mà”.*

*Bạn có ý kiến gì về suy nghĩ của Vũ và việc làm của gia đình Vũ? Theo quy định của pháp luật hành vi trốn nghĩa vụ quân sự có bị xử lý hay không?*

**Trả lời:** Suy nghĩ cho rằng đi nghĩa vụ quân sự khổ và “chạy chọt” để con không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự, trốn tránh trách nhiệm của một công dân đối với đất nước là suy nghĩ và việc làm sai trái.

Bảo vệ Tổ quốc, tham gia lực lượng vũ trang là trách nhiệm và là một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp.

Điều 77 Hiến pháp năm 1992 khẳng định:

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn

dân.

Hàng năm, công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó phải đến Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn để đăng ký nghĩa vụ quân sự. Việc gọi công dân nhập ngũ được tiến hành theo lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Người được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ. Trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ quân sự là hành vi vi phạm pháp luật.

Khoản 1, Điều 69 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2004) quy định: Người nào vi phạm các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện; lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái hoặc cản trở việc thực hiện các quy định trên đây hoặc vi phạm các quy định khác của Luật này, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định 4 điều về 4 tội liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ quân sự đó là các điều:

**Điều 259.** Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự

**Điều 260.** Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ

**Điều 261.** Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự

**Điều 262.** Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự

#### **IV. Bài tập phát triển kỹ năng:**

1. Tên bài tập: Khai thác và sử dụng các thiết bị, phương tiện, tài liệu và đồ dùng dạy học PBGDPL trong môn GD CD.

2. Những vấn đề cần thực hiện:

- Biết cách khai thác và sử dụng các thiết bị, phương tiện, tài liệu và đồ dùng dạy học PBGDPL một cách phù hợp, hiệu quả với từng bài và từng đối tượng HS.

- Soạn 1 bài dạy cụ thể có sử dụng các thiết bị, phương tiện, tài liệu và đồ dùng dạy học PBGDPL

- Trao đổi với đồng nghiệp về các nội dung đó.

.....